

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà

Mã chứng khoán: SHI

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-24-62656566

Fax: 84-24-62656588

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nhữ Văn Hoan – Phó Tổng Giám đốc thường trực

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-24-62656566

Fax: 84-24-62656588

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (\*):

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà công bố Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/04/2020 tại đường dẫn [www.sonha.com.vn](http://www.sonha.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Lưu HCNS

**Người thực hiện công bố thông tin**

**Phó Tổng Giám đốc Thường trực**



**Nhữ Văn Hoan**



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, P.Minh Khai, Q.Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 1800 6566

Email: [support@sonha.com.vn](mailto:support@sonha.com.vn)

Website: [www.sonha.com.vn](http://www.sonha.com.vn)

## TĂNG TỐC ĐỂ PHÁT TRIỂN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Sơn Hà đang tiến những bước vững chắc trên con đường xây dựng một thương hiệu vượt khỏi biên giới quốc gia. Sau hơn 20 năm phát triển, tinh thần khởi nghiệp ban đầu của Sơn Hà vẫn không thay đổi: Xây dựng một thương hiệu tự sản xuất của người Việt – là thương hiệu Quốc gia, niềm kiêu hãnh của trí tuệ và sức sáng tạo Việt Nam.

## Nội dung chính

	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	04
01	Dấu ấn Sơn Hà 2019	06
02	Tổng quan về Sơn Hà	14
03	Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch phát triển năm 2020	42
04	Báo cáo quản trị	50
05	Báo cáo phát triển bền vững	68
06	Báo cáo tài chính	82

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong hành trình phát triển tiếp theo – “Sơn Hà đệ nhị”, tôi tin tưởng tất cả các thành viên của Sơn Hà sẽ đoàn kết, quyết tâm, đồng lòng phát huy trí và lực để **TỐC CHIẾN – TỐC THẮNG**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư**

Năm 2019, kinh tế Việt Nam đã có nhiều bước tiến tích cực với tốc độ tăng trưởng GDP vượt mục tiêu, đạt 7,02%; nợ công giảm gần 8 điểm % GDP so với năm 2016 và thương mại thặng dư liên tiếp trong bốn năm.

Những yếu tố lạc quan này đã góp phần “thăng hoa” hành trình phát triển đầy cảm hứng của Sơn Hà năm qua. Đi qua năm bản lề đầu tiên sau giai đoạn phát triển thứ nhất – 20 năm thành lập và phát triển, với nhiều khó khăn, thách thức nhưng cũng đầy tự hào, Sơn Hà đã kịp ghi lại những dấu ấn nhất định: bước đầu tái cơ cấu tập đoàn, tăng cường hợp tác quốc tế và phát triển các lĩnh vực mới (đầu tư phát triển năng lượng sạch).

Từ những bước chân thân tốc ấy, chúng tôi đã đi rất xa khỏi định vị “vua bốn inox” để trở thành “thương hiệu quốc gia”, niềm kiêu hãnh Việt Nam. Sơn Hà tự hào có 18 công ty thành viên; 8 nhà máy trong và ngoài nước; mở rộng mạng lưới hơn 20.000 nhà phân phối và xuất khẩu tới 35 quốc gia, vùng lãnh thổ. Các chỉ số tài chính cơ bản năm 2019 cũng đều ghi nhận mức tăng trưởng ổn định: tổng doanh thu đạt 5.010 tỷ đồng; doanh thu thuần đạt 4.807 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế: 139,9 tỷ đồng; nộp ngân sách nhà nước: 216 tỷ đồng.

Tuy nhiên, đà tăng trưởng thiết lập trong năm 2019 chỉ là bước đệm để Sơn Hà nỗ lực hơn nữa ở giai đoạn tiếp theo – “Sơn Hà đệ nhị”, nhằm đón đầu trào lưu công nghệ 4.0, đột phá doanh thu, mở rộng ngành hàng kinh doanh và nâng cao vị thế thương hiệu trên thị trường.

Bước sang năm 2020, khi vận hội mới của Sơn Hà đang mở ra, với những nỗ lực hết mình của đội ngũ cán bộ nhân viên và sự ủng hộ của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, chúng tôi có niềm tin mạnh mẽ vào sự phát triển bền vững của thương hiệu Sơn Hà.

“Tốc chiến – Tốc thắng”, tiên phong đổi mới tư duy và cách làm, Sơn Hà sẽ tái tạo lại nguồn năng lượng tích cực, sáng tạo trong mỗi thành viên để chuyển mình mạnh mẽ, hoàn thành 4 mục tiêu trọng tâm:

- Thực hiện đạt và vượt kế hoạch doanh thu tài chính 2020: 5.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tối thiểu 107 tỷ đồng.
- Tái cấu trúc ngành gia dụng và tiến hành niêm yết TMY (một công ty thành viên của Sơn Hà)
- Phát triển lĩnh vực đầu tư bất động sản công nghiệp; xúc tiến và triển khai sự án Khu công nghiệp Tam Dương
- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện Đề án Tái cấu trúc tập đoàn theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa cao.

Để hoàn thành những kì vọng đó, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý giá trong hành trình sắp tới. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm và đồng hành của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư thời gian qua.

Xin kính chúc Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong năm 2020!

  
Chủ tịch HĐQT  
Lê Vĩnh Sơn



**Tôi có niềm tin mạnh mẽ vào sự phát triển bền vững của thương hiệu Sơn Hà.**

**Ông Lê Vĩnh Sơn**  
Chủ tịch Tập đoàn Sơn Hà



## Những con số ấn tượng

**5.010**

Tổng doanh thu  
đạt 5.010 tỷ đồng

**4.807**

Doanh thu thuần  
đạt 4.807 tỷ đồng

**4.061**

Tổng giá trị tài sản  
đạt 4.061 tỷ đồng

**139,9**

Lợi nhuận kế toán trước thuế  
đạt 139,9 tỷ đồng

**216**

Nộp ngân sách Nhà nước  
216 tỷ đồng

**1.944**

1.944 cán bộ  
công nhân viên

**18**

18 công ty  
thành viên

**8**

8 Nhà máy trong  
và ngoài nước

**Phần 1**

**DẤU ẤN SƠN HÀ**

Phần 1. Dấu ấn Sơn Hà

# 10 Hoạt động nổi bật

Năm 2019



#01

**Lần thứ 2 vinh danh “Thương hiệu Quốc gia”**

Năm 2019, công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà lần thứ 2 liên tiếp được vinh danh “Thương hiệu Quốc gia”. Đây là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam tiến hành với mục đích quảng bá hình ảnh quốc gia, thương hiệu quốc gia thông qua thương hiệu sản phẩm.

Trong sự cạnh tranh gắt gao và sòng phẳng của nền kinh tế thị trường, Sơn Hà đã xác định con đường riêng của mình là nhà sản xuất 100% Việt Nam, dùng bàn tay khối óc người Việt để làm ra những sản phẩm tốt nhất phục vụ người tiêu dùng Việt. Trải qua 21 năm xây dựng và phát triển Sơn Hà đã phục vụ hàng chục triệu gia đình Việt, xuất khẩu tới hơn 35 quốc gia và vùng lãnh thổ.



#02

**SHE lên sàn thành công và có tín hiệu phát triển tốt**

Tháng 1/2019, công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng (SHE) – một công ty thành viên của Sơn Hà đã chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Khởi nghiệp từ năm 2005 với sản phẩm Thái Dương Năng (máy nước nóng năng lượng mặt trời), sau 14 năm xây dựng và phát triển, SHE đã trở thành một trong những doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực phát triển năng lượng sạch ở Việt Nam. Với những chiến lược rõ ràng, năm 2019, SHE đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng.

**Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của SHE (2019)**

	2018	2019	Tăng
Doanh thu	221,644	239,439	17,795 (8%)
LN trước thuế	20,188	31,584	11,396 (56%)
LN sau thuế	16,111	25,198	9,087 (56%)



#03

**Phát triển Biogas – Công nghệ biến rác thải thành năng lượng**

Tháng 5/2019, Sơn Hà kí thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Watrec – Thụy Sĩ về phát triển sản phẩm Biogas – biến rác thải thành năng lượng, một sản phẩm mang tính cách mạng môi trường. Việc áp dụng công nghệ biogas hiện đại để xử lý triệt để chất thải hữu cơ và phát điện phục vụ nhu cầu tại chỗ cho các hộ dân và doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế và môi trường bền vững.

Công nghệ này đã được áp dụng phổ biến tại hầu hết các nước Châu Âu (Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Anh, Pháp, Đức, Bỉ...) và nhiều nước khác như: Nhật Bản, Mỹ, Canada...



#04

**Bình nước nóng Sơn Hà đạt Top 1 Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích năm 2019**

Bình nước nóng Sơn Hà ra đời từ tháng 7/2016 với dòng sản phẩm đầu tiên là SHI. Cho tới nay, Sơn Hà đã không ngừng phát triển các dòng sản phẩm bình nước nóng khác nhau (15 nhãn bình nước nóng) với công năng, mẫu mã đẹp, tiện ích ngày một tốt hơn đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

Nhờ những cố gắng cải tiến về mặt chất lượng và chế độ hậu mãi, năm 2019, bình nước nóng Sơn Hà đã được bình chọn Top 1 hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích nhất.

Phần 1. Dấu ấn Sơn Hà

# 10 Hoạt động nổi bật

Năm 2019



#05

**SHWE – Công ty chuyên xử lý nước thải theo công nghệ Hàn Quốc được thành lập**

Tháng 9/2019, Sơn Hà thành lập công ty chuyên về xử lý nước thải: SHWE với công nghệ xử lý hiện đại được chuyển giao từ thành phố Gyeongju – Hàn Quốc. Theo đó, Sơn Hà sẽ được chuyển giao các công nghệ xử lý nước sạch và nước thải tiên tiến đã áp dụng thành công tại Hàn Quốc và nhiều quốc gia trên thế giới.

Dự kiến, năm 2020, Sơn Hà sẽ áp dụng các công nghệ này tại một số điểm nóng về ô nhiễm nguồn nước như khu đô thị, khu công nghiệp, các làng nghề, sông và hồ đã bị ô nhiễm do quá trình sản xuất và sinh hoạt của con người.



#06

**Phát triển Free-solar – khai thác nguồn tài nguyên năng lượng mặt trời**

Sơn Hà đã ra mắt và phát triển sản phẩm điện mặt trời áp mái (solar rooftop) nhằm biến ước mơ khai thác tài nguyên mái nhà thành hiện thực, trong đó tiêu biểu là dòng Free-solar.

Nhiều dự án, nhà máy đã được lắp đặt thành công hệ thống sản phẩm Free-solar và mang lại hiệu quả thiết thực như: nhà máy Toàn Mỹ tại Bình Dương, Khách sạn Sông Hồng thủ đô - Vĩnh Phúc (28kw), Công ty Trí Sơn – Nha Trang (19,5kw) và một số hộ gia đình tại Hà Nội, Sài Gòn, Nha Trang... với mức công suất trên 10kw.



#07

**Hoàn thiện hệ sinh thái nhà bếp**

Tiếp tục phát triển và cung cấp hệ sinh thái sản phẩm đầy đủ cho căn bếp người Việt, bao gồm: điều hòa, bếp từ, ấm siêu tốc, cây nước nóng lạnh, máy lọc nước RO, máy hút mùi, nồi cơm điện, nồi áp suất... Với hơn 20 sản phẩm gia dụng và điện gia dụng, Sơn Hà đã thực sự trở thành người bạn thân thiết trong mỗi gia đình Việt!

Trong bức tranh thị trường nhiều màu sắc hiện nay, Sơn Hà vạch ra "nét vẽ" để nhận diện thương hiệu của mình bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ chăm sóc khách hàng.



#08

**Tăng cường xuất khẩu ống inox công nghiệp Sơn Hà**

Ống inox công nghiệp Sơn Hà được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến và trải qua quy trình kiểm duyệt chất lượng khắt khe, đáp ứng tiêu chuẩn ASTM (Mỹ) và tiêu chuẩn châu Âu DIN EN10217-7 về độ bóng sáng và sâu, dễ uốn, dễ gia công. Sơn Hà tự hào là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam có ống, hộp inox hàn được cấp chứng nhận PED do tổ chức chứng nhận quốc tế TUV của Đức cấp, vinh danh Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội.

Năm 2019, sản lượng xuất khẩu ống inox công nghiệp Sơn Hà đạt 11.773 tấn/năm, doanh thu đạt 647 tỷ đồng/năm và thị trường xuất khẩu tới 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

# 10 Hoạt động nổi bật

Năm 2019



#09

## Vinh danh "Năng lượng xanh Hà Nội"

Tháng 12/2019, nhờ những áp dụng trong cải tiến sản xuất, tiết kiệm năng lượng, Sơn Hà đã vinh dự được UBND TP Hà Nội công nhận danh hiệu "Sử dụng năng lượng xanh đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất công nghiệp".

Điều này thể hiện những nỗ lực của doanh nghiệp trong việc triển khai, áp dụng các hoạt động tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và kinh doanh, nhằm giảm thiểu tối đa mức tiêu thụ năng lượng.



#10

## Chia sẻ trách nhiệm xã hội

Không chỉ tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế, trong năm 2019, Sơn Hà còn chú trọng chia sẻ trách nhiệm cộng đồng bằng những chương trình an sinh và thiện nguyện hiệu quả nhằm nâng cao đời sống người dân...

Cụ thể, Công ty đã tổ chức được các hoạt động tặng bình nước nóng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trao tặng bồn biogas tại Đông Anh, ủng hộ chuyển công tác Trường Sa của TP Hà Nội...

# Tình hình tài chính cơ bản

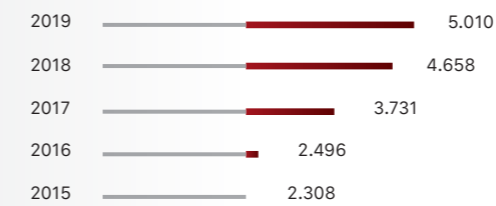
Giai đoạn 2015 - 2019

Bảng thống kê tình hình tài chính cơ bản của Tập đoàn Sơn Hà giai đoạn 2015 - 2019

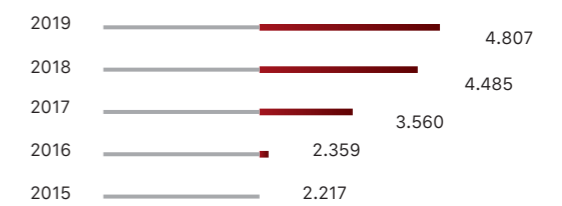
(Đơn vị tính: tỷ đồng)

TT	Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019
1	Tổng doanh thu	2.308	2.496	3.731	4.658	5.010
2	Doanh thu thuần	2.217	2.359	3.560	4.485	4.807
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96	130	130	128	139,9
4	Lợi nhuận sau thuế	73	103	105	108	105,7
5	Vốn chủ sở hữu	686	843	916	1.116	1.275
6	Nộp ngân sách Nhà nước	110	138	209	213,8	216

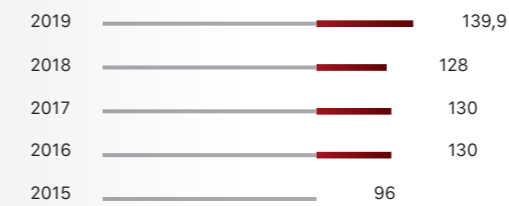
### Tổng doanh thu (Đơn vị: tỷ đồng)



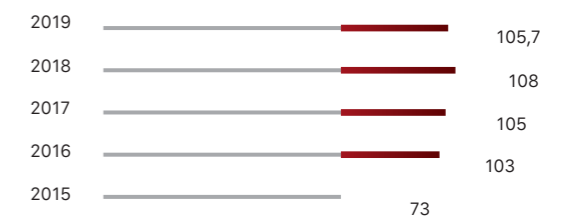
### Doanh thu thuần (Đơn vị: tỷ đồng)



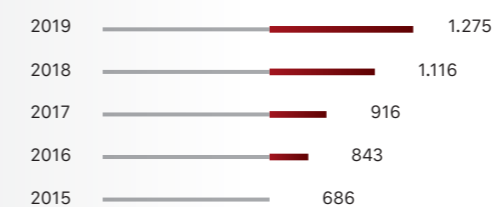
### Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Đơn vị: tỷ đồng)



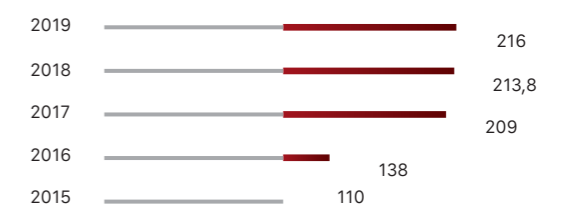
### Lợi nhuận sau thuế (Đơn vị: tỷ đồng)



### Vốn chủ sở hữu (Đơn vị: tỷ đồng)



### Nộp ngân sách Nhà nước (Đơn vị: tỷ đồng)







**Phần 2**

**TỔNG QUAN VỀ SƠN HÀ**

# Thông tin cơ bản

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tên tiếng Anh: SONHA INTERNATIONAL CORPORATION  
Tên viết tắt: SONHA.CORP



Địa chỉ

Trụ sở chính: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm,  
phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam



Liên hệ

Điện thoại: +84-24-62656566

Fax: +84-24-62656588

Website: <http://www.sonha.com.vn/>



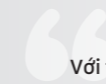
Mã cổ phiếu  
**SHI**



Vốn điều lệ  
**870.881.810.000 đồng**



Mã số thuế  
**0100776445**



Với thế mạnh là Tập đoàn có sự nhận diện lớn tại Việt Nam cho các sản phẩm gia dụng, công nghiệp chất lượng cao và hệ thống các nhà phân phối, đối tác rộng khắp, Sơn Hà quyết tâm đầu tư vào lĩnh vực cung cấp sản phẩm - giải pháp hiệu quả cho ngành năng lượng tái tạo, cũng như ngành cung cấp nước sạch; phát triển ngành này trở thành động lực phát triển chính của Tập đoàn vào năm 2025. ”



### Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn hàng đầu Việt Nam và châu Á trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp. Nhà cung cấp giải pháp toàn diện về năng lượng tái tạo (điện năng lượng mặt trời và gió), khai thác và cung cấp nước sạch quy mô lớn, cung cấp giải pháp xử lý nước thải quy mô lớn.



### Sứ mệnh

Mang lại sự hài lòng cho khách hàng bằng sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất; cam kết phát triển bền vững, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường.



### Giá trị cốt lõi

- ☑ Trách nhiệm
- ☑ Đổi mới
- ☑ Đoàn kết
- ☑ Tôn trọng
- ☑ Liêm chính



Phần 2. Tổng quan về Sơn Hà

# Lịch sử phát triển

1998

## Thành lập

Sơn Hà được thành lập năm 1998 với tên Công ty TNHH Cơ Kim Khí Sơn Hà theo Giấy phép đăng ký kinh doanh ngày 17/11/1998 của UBND thành phố Hà Nội.

2007

## Chuyển đổi mô hình công ty

Chuyển đổi sang mô hình công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Nhà máy sản xuất inox Sơn Hà với diện tích 45.000m<sup>2</sup> hoàn thành và đi vào hoạt động.

2008

## Bước chân vào thị trường Mỹ

Xuất khẩu ống thép inox Sơn Hà vào thị trường Mỹ. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu Sơn Hà phát triển ngành sản xuất Công nghiệp, ống inox Sơn Hà là thương hiệu duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ PED để đủ phẩm chất đi vào những thị trường khó tính như EU và Mỹ.

2009

## Trở thành Công ty đại chúng

Sơn Hà trở thành công ty đại chúng, chính thức niêm yết 15 triệu cổ phiếu tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh với mã SHI; Vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ đồng.

2012

## Mở rộng xuất khẩu

Mở rộng xuất khẩu đến 20 quốc gia trên thế giới như: Hoa Kỳ, Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô, Sing-ga-po...

2019

## Tập trung phát triển năng lượng xanh

Sơn Hà hợp tác cùng các đối tác Nhật Bản và Hàn Quốc (thành phố Gyeongju) chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch và nước thải tiên tiến.

Kí kết cùng EVN Hà Nội, phát triển và lắp đặt thành công hệ thống sản phẩm điện mặt trời áp mái (free-solar) tại nhiều công trình dân dụng và công nghiệp với mức công suất đạt gần 30kw/công trình.

Kí thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Watrec – Thụy Sỹ về phát triển Biogas – sản phẩm giúp biến rác thải thành năng lượng.

2018

## Bùng nổ các ngành kinh doanh mới

Thâu tóm Toàn Mỹ - thương hiệu bốn nước cao cấp và lâu đời nhất của VN, mở rộng thị trường miền Nam.

Bùng nổ các ngành sản xuất và kinh doanh mới có tính bước ngoặt: phát triển công nghệ xử lý nước thải, phát điện điện mặt trời, đầu tư vào lĩnh vực vận tải...

2017

## Tái cấu trúc doanh nghiệp

Tái cấu trúc doanh nghiệp thành công với công ty mẹ và 13 công ty thành viên.

Thực hiện thành công thương vụ M&A Trường Tuyền, thương hiệu lớn có uy tín trong ngành sản xuất bồn chứa nước inox; Xây dựng nhà máy ở Myanmar.

Xuất khẩu tới 32 quốc gia và vùng lãnh thổ.

2016

## Mở rộng hệ thống các nhà máy

Khai trương nhà máy Sơn Hà Nghệ An; Khởi công xây dựng nhà máy Sơn Hà Bắc Ninh.

2015

## Thành công tiến vào Ấn Độ

Sơn Hà chính thức vào thị trường Ấn Độ, trở thành thương hiệu ống thép công nghiệp số 1 tại thị trường Ấn Độ với hơn 1 tỷ dân.

Mở rộng mạng lưới chi nhánh lên hơn 40 chi nhánh, tăng vốn điều lệ lên 547 tỷ đồng.

➤➤ Phần 2. Tổng quan về Sơn Hà

# Giải thưởng tiêu biểu



Huân chương Lao động hạng Nhì  
do Chủ tịch nước trao tặng



Thương hiệu  
Quốc gia



Hàng Việt Nam  
chất lượng cao

- ✓ Top 10 Sao vàng đất Việt
- ✓ Giải quốc gia về Hiệu quả tiết kiệm điện năng lượng
- ✓ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- ✓ Top 1 sản phẩm công nghiệp chủ lực Tp Hà Nội
- ✓ Chứng nhận PED của tổ chức quốc tế TUV
- ✓ Top 1 hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích
- ✓ CSI 2018
- ✓ Chứng nhận CE



Phần 2. Tổng quan về Sơn Hà

# Ngành nghề kinh doanh



1

2

3

4

5

Sơn Hà tự hào đạt thương hiệu quốc gia và là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất được cấp chứng chỉ PED của tổ chức quốc tế TUV (Đức).



Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng, điện gia dụng



Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp



Phát triển năng lượng sạch



Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch



Cung cấp giải pháp xử lý nước thải quy mô lớn

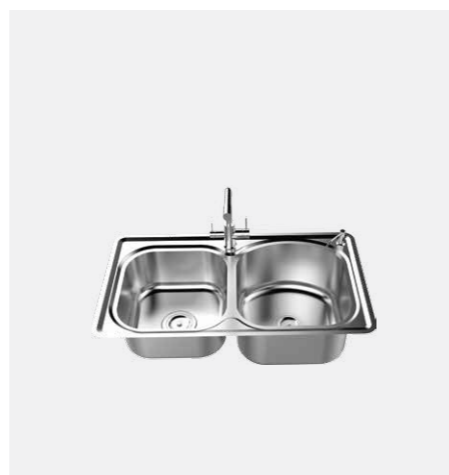
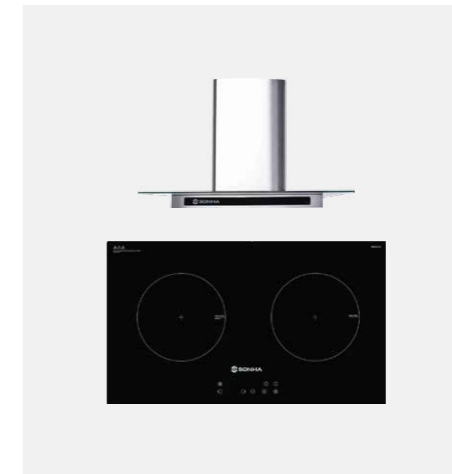
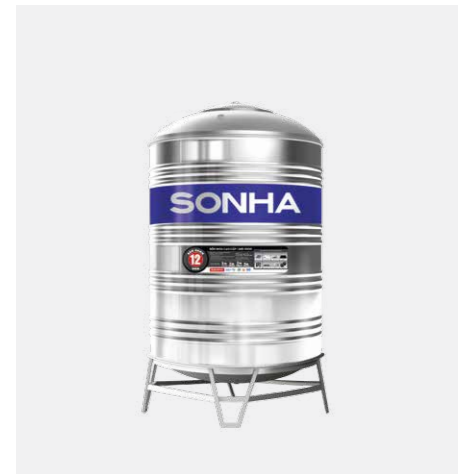


# Ngành nghề kinh doanh

#01

## Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng, điện gia dụng

Lĩnh vực sản xuất & kinh doanh sản phẩm gia dụng, điện gia dụng đã góp phần định hình tên tuổi và vị thế của thương hiệu Sơn Hà trên thị trường những ngày đầu. Tiếp nối thành công đó, Sơn Hà luôn chú trọng đầu tư hệ thống dây chuyền công nghệ tiên tiến, không ngừng đổi mới và cải tiến để hoàn thiện chất lượng sản phẩm – mang lại những giá trị hoàn hảo nhất cho ngôi nhà Việt.



- ✓ Bồn chứa nước inox
- ✓ Bồn chứa nước nhựa
- ✓ Sen vòi
- ✓ Nồi cơm điện
- ✓ Điều hòa
- ✓ Chậu rửa inox
- ✓ Bể chứa nước ngầm
- ✓ Máy lọc nước & Cây nước nóng lạnh
- ✓ Bình nước nóng
- ✓ Ấm siêu tốc
- ✓ Máy xay sinh tố
- ✓ Máy hút mùi & Bếp từ | Bếp gas

# Ngành nghề kinh doanh

#02

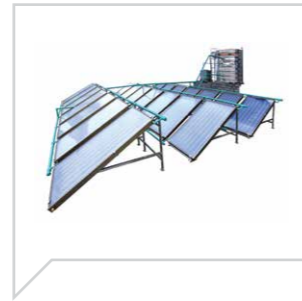
## Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp

Xác định sản xuất & kinh doanh sản phẩm phục vụ công nghiệp là lĩnh vực đem lại tăng trưởng vượt bậc cho thương hiệu, Sơn Hà không chỉ chú trọng đầu tư về dây chuyền công nghệ mà còn kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất theo chuẩn quốc tế. Cam kết về chất lượng và uy tín dịch vụ, hệ thống sản phẩm công nghiệp của Sơn Hà đã trở thành người bạn đồng hành bền vững của nhiều công trình lớn trong và ngoài nước.



**Ống, hộp inox trang trí, công nghiệp**

Ống inox Sơn Hà được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn ASTM (Mỹ) và tiêu chuẩn châu Âu DIN EN10217-7, JIS-Nhật Bản.



**Thái dương năng dàn tổng**

Thái dương năng dàn tổng kết hợp Heatpump là giải pháp cung cấp nước nóng, tiết kiệm điện thông minh cho các công trình lớn.



**Bể lắp ghép công nghiệp**

Nhờ sự đa dạng về dung tích, dễ dàng lắp đặt, vệ sinh, bể inox lắp ghép Sơn Hà có thể phục vụ các công trình công nghiệp yêu cầu dung tích lớn.



**Bồn nước inox lắp ghép GRP**

Bồn nước lắp ghép GRP Sơn Hà được lắp ghép từ các tấm vật liệu Polyeste cường lực sợi thủy tinh (GRP) có độ bền cao và đa dạng về dung tích.

#03

## Phát triển năng lượng sạch

Là đơn vị đầu tiên ứng dụng và phát triển dòng sản phẩm máy nước nóng năng lượng mặt trời tại Việt Nam – góp phần nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên - Sơn Hà tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong các doanh nghiệp phát triển năng lượng sạch. Sơn Hà xác định đầu tư vào các dự án năng lượng mặt trời và ký kết hợp tác với đối tác từ Đức, Thụy Sĩ...



**Thái dương năng**



**Điện mặt trời áp mái (Free - solar)**



**Biogas**



# Ngành nghề kinh doanh

#04

## Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

Sơn Hà đã tham gia đầu tư vào các dự án cung cấp nước sạch theo hình thức đầu tư vốn vào một số công ty hoặc M&A các công ty trong lĩnh vực cung cấp nước sạch.

Đặc biệt, Sơn Hà cũng đã ký hợp tác với các tập đoàn uy tín từ Nhật Bản để chuyển giao công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới về xử lý nước sạch không can thiệp hoá chất, đạt chuẩn quốc tế.



### Công nghệ làm sạch nước ngầm Chemiles

Công nghệ Chemiles không sử dụng hóa chất, có khả năng xử lý đồng thời nguồn nước ngầm nhiễm sắt, mangan, amoni và asen. Nguồn nước đầu ra sau khi lọc qua cấp lọc Chemiles đáp ứng được tiêu chuẩn nước sạch của Bộ Y tế.



### Nhà máy nước sạch

Các nhà máy nước sạch do Sơn Hà đầu tư đảm bảo tiêu chuẩn, góp phần giải quyết vấn đề thiếu nước sạch cho Hà Nội và các tỉnh.



### Lọc tổng Eurofil

Lọc nước tổng Sơn Hà Eurofil là thiết bị lọc nước tổng cho toàn bộ ngôi nhà, dựa trên công nghệ màng siêu lọc sợi rỗng UF của Pháp.

#05

## Cung cấp giải pháp xử lý nước thải quy mô lớn

Chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào nền tảng cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường. Nhu cầu cấp bách về xử lý chất thải theo hướng thân thiện với môi trường, không làm ảnh hưởng mạch nước ngầm, trả lại một thiên nhiên ít bị thương tổn - chính là lý do Sơn Hà phát triển nhóm sản phẩm xử lý chất thải.



### Bể phốt thông minh Septic Sơn Hà

Septic được thiết kế đặc biệt giúp chứa và lọc nước thải một cách thông minh. Sản phẩm được sản xuất từ vật liệu nhựa siêu bền, không lo nứt vỡ.



### Hệ thống xử lý nước thải Jokaso

Công nghệ xử lý nước thải tại nguồn – Jokaso có hiệu quả xử lý cao, nước thải đầu ra đảm bảo tiêu chuẩn Nhật Bản, tuổi thọ cao, dễ dàng lắp đặt và không gây ô nhiễm môi trường.



### Hệ thống xử lý nước thải Hàn Quốc

Chuyển giao công nghệ của thành phố Gyeongju (Hàn Quốc): xử lý nhanh nước thải (GJ-R) và lọc nước bằng phun tách (GJ-S)



Phần 2. Tổng quan về Sơn Hà

# Quy mô thị trường

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cung cấp các sản phẩm chất lượng tới người tiêu dùng cả nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.

**Nhà máy ở trong nước**

08 nhà máy sản xuất với tổng diện tích khoảng 250.000m<sup>2</sup> trải dài cả 3 miền Bắc – Trung – Nam để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

TT	Nhà máy Sơn Hà	Địa chỉ
1	Nhà máy Sơn Hà Diễn	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
2	Nhà máy Sơn Hà Phùng	KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
3	Nhà máy Sơn Hà Bắc Ninh 1	Lô Cn 07.2 Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
4	Nhà máy Sơn Hà Bắc Ninh 2	Lô Cn 08, Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
5	Nhà máy Sơn Hà Nghệ An	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An
6	Nhà máy Sơn Hà Quảng Nam	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
7	Nhà máy Sơn Hà (Toàn Mỹ) Cần Thơ	Đường số 9, Khu Công nghiệp Trà Nóc, thành phố Cần Thơ
8	Nhà máy Sơn Hà Bình Dương	Khu phố hoà lân 1, TX Thuận An, phường Thuận Giao, Bình Dương

20.000

**Đại lý/ điểm bán**

Theo nhận diện mới của Sơn Hà

80

**Nhà phân phối**

Trải dài khắp các tỉnh thành

120

**Chi nhánh**

**Nhà máy ở nước ngoài**

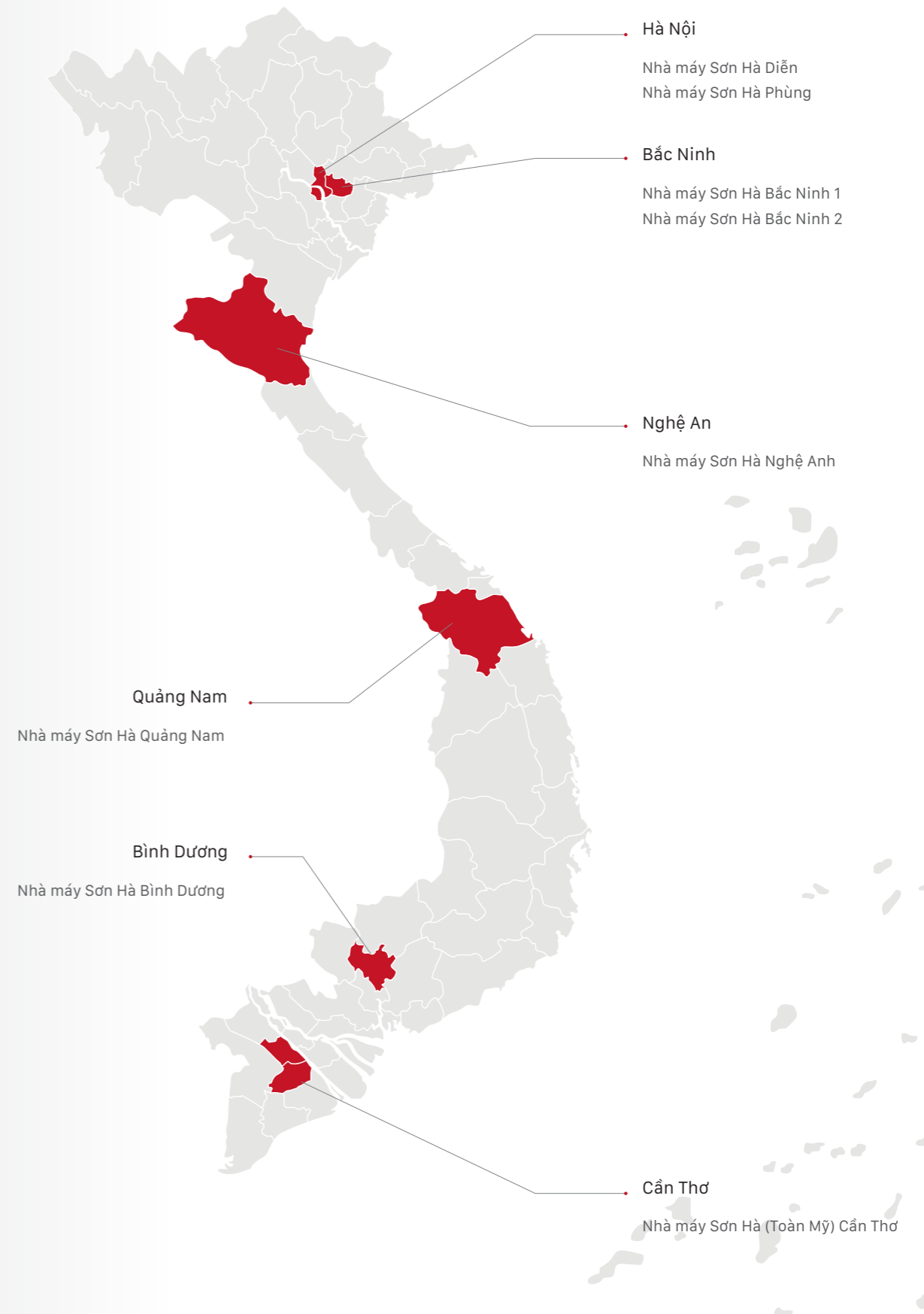
Không chỉ khẳng định vị trí trong nước, Sơn Hà còn vươn mình ra thế giới với những thành tích đáng tự hào:



1 nhà máy sản xuất tại Myanmar



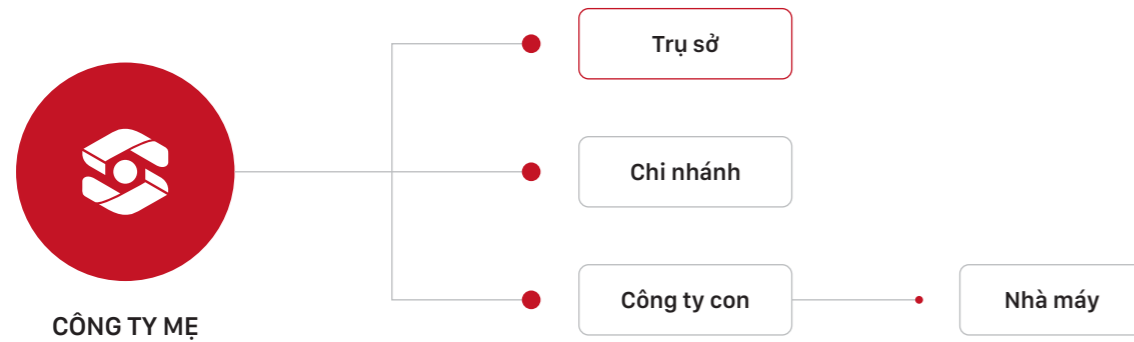
Xuất khẩu tới 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và được đón nhận tại nhiều thị trường khó tính bậc nhất như Bắc Âu, Mỹ, Canada...



# Tổ chức bộ máy

#01

## Mô hình hoạt động



#02

## Mô hình quản trị



#03

## Công ty con và công ty liên kết

Tính đến thời điểm 31/12/2019, Sơn Hà có 15 công ty con và 04 công ty liên doanh, liên kết.

### Công ty con trực tiếp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh	% sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	100%
4	Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất các sản phẩm gia dụng	51,59%
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%
6	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Quản lý và phát triển dự án	69%
7	Sonha Myanmar International Limited (*)	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%
8	Công ty CP Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
9	Công ty CP Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	60%

# Tổ chức bộ máy

#03

## Công ty con và công ty liên kết

Tính đến thời điểm 31/12/2019, Sơn Hà có 15 công ty con và 04 công ty liên doanh, liên kết.

### Công ty con gián tiếp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh	% sở hữu
10	Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
11	Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%
12	Công ty TNHH MTV thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
13	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
14	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%
15	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%

#03

## Công ty con và công ty liên kết

Tính đến thời điểm 31/12/2019, Sơn Hà có 15 công ty con và 04 công ty liên doanh, liên kết.

### Công ty liên kết

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh	% sở hữu
1	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử, cho thuê mặt bằng kinh doanh	20,13%
2	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10 đường Lê Đại Hành, phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,15%
3	Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh đồ dùng gia dụng khác	30%

### Công ty liên doanh

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh	% sở hữu
4	Công ty CP Sơn Hà - Wegen	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Lắp đặt hệ thống điện (lắp đặt tấm hệ thống năng lượng mặt trời và hệ thống pin tích điện)	50%

➤➤ Phần 2. Tổng quan về Sơn Hà

# Giới thiệu Ban lãnh đạo

#01

## Thành viên Hội đồng Quản trị

HĐQT công ty gồm 06 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT.



### ÔNG LÊ VĨNH SƠN

Chủ tịch HĐQT

(tái bổ nhiệm ngày 3/5/2018)

**Trình độ:**  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Ông Lê Vĩnh Sơn là người sáng lập ra công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà từ những ngày đầu tiên. Ngoài chức vụ công tác hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty, ông còn đại biểu HĐND Thành phố Hà Nội khóa XV nhiệm kỳ 2016 – 2021; Phó chủ tịch hội Doanh nhân trẻ Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam – Thành phố Hà Nội; Chủ tịch Chuyên đề Năng lượng sạch của Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam.



### ÔNG LÊ HOÀNG HÀ

Phó Chủ tịch HĐQT

(tái bổ nhiệm ngày 3/5/2018)

**Trình độ:**  
Cử nhân quản trị kinh doanh

Ông Lê Hoàng Hà là người đồng sáng lập công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Ngoài vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, ông còn là Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (SHA); Chủ tịch công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai và Chủ tịch công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà.



### BÀ TRẦN KIM DUNG

Phó Chủ tịch HĐQT

(bổ nhiệm ngày 19/3/2020)

**Trình độ:**  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Bà Trần Kim Dung là người giàu kinh nghiệm trong quản lý, từng giữ vị trí quan trọng tại bệnh viện VietSing, Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần KDG Quốc tế, Phó Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Hiện, bà đang giữ vị trí thành viên Hội đồng quản trị.



### ÔNG NGUYỄN VIẾT HÀ

Thành viên HĐQT

(bổ nhiệm ngày 27/4/2018)

**Trình độ:** Kỹ sư cơ khí động lực, ĐH Nông nghiệp Praha Tiệp Khắc

Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong các công ty đa quốc gia như Piaggio, Coca – Cola, Honda... Gia nhập Sơn Hà ở vị trí Phó Tổng Giám đốc, năm 2019, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



### ÔNG PHAN THẾ RUỆ

Thành viên độc lập HĐQT

(tái bổ nhiệm ngày 27/4/2018)

**Trình độ:**  
Cử nhân kinh tế

Ông Phan Thế Ruệ là nhà quản lý kinh tế và chính khách Việt Nam; Nguyên Thứ trưởng Thường trực Bộ Thương mại; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Trưởng đoàn đàm phán hiệp định đối tác chiến lược Việt Nam – Nhật Bản VJEP, Phó Ban Kinh tế kiêm nhiệm Ban Kiểm tra Trung Ương. Sau khi nghỉ hưu đến nay, ông sáng lập và là Chủ tịch đầu tiên của Hiệp hội các Nhà bán lẻ Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam, thành viên độc lập HĐQT công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



### ÔNG VI CÔNG KHANH

Thành viên độc lập HĐQT

(tái bổ nhiệm ngày 27/4/2018)

**Trình độ:**  
Cử nhân kinh tế

Ông Vi Công Khanh đang giữ chức vụ thành viên độc lập HĐQT tại công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Trước đây, ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn phòng Chính phủ.

## Phần 2. Tổng quan về Sơn Hà

# Giới thiệu Ban lãnh đạo

#02

## Thành viên Ban Tổng Giám đốc



**ÔNG LÊ VĨNH SƠN**

*Tổng Giám đốc*

(miễn nhiệm từ ngày 01/03/2019)

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Ông Lê Vĩnh Sơn là người sáng lập ra công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà từ những ngày đầu tiên. Ngoài chức vụ công tác hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty, ông còn đại biểu HĐND Thành phố Hà Nội khóa XV nhiệm kỳ 2016 – 2021; Phó chủ tịch hội Doanh nhân trẻ Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam – Thành phố Hà Nội; Chủ tịch Chuyên đề Năng lượng sạch của Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam.



**ÔNG NGUYỄN VIẾT HÀ**

*Tổng Giám đốc*

(Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2019)

Trình độ: Kỹ sư cơ khí động lực, Đại hội Nông nghiệp Praha Tiệp Khắc

Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong các công ty đa quốc gia như Piaggio, Coca – Cola, Honda... Gia nhập Sơn Hà ở vị trí Phó Tổng Giám đốc, năm 2019, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



**BÀ TRẦN KIM DUNG**

*Phó Tổng Giám đốc*

(Miễn nhiệm từ ngày 15/11/2019)

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Bà Trần Kim Dung là người giàu kinh nghiệm trong quản lý, từng giữ vị trí quan trọng tại bệnh viện VietSing, Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần KDG Quốc tế, Phó Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Hiện, bà đang giữ vị trí thành viên Hội đồng quản trị.



**ÔNG NHỮ VĂN HOAN**

*Phó Tổng Giám đốc*

(Bổ nhiệm từ ngày 15/11/2019)

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Andrews

Ông Nhữ Văn Hoan hiện đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Trước đó, ông có gần 20 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý tại các tổ chức, công ty lớn như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Đầu tư Tập đoàn Ngôi Sao (tập đoàn quản lý sân Golf Ngôi sao Chí Linh; sân golf Ngôi sao Đại Lải), Tổng Giám đốc FLC Biscom, thành viên HĐQT FLC Homes...



**BÀ TRỊNH THỊ KHANH**

*Phó Tổng Giám đốc*

(miễn nhiệm từ ngày 01/03/2019)

Trình độ: Kỹ sư Bách Khoa

Bà Trịnh Thị Khanh gia nhập công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà năm 2014 với chức vụ Giám đốc Mua hàng. Đến năm 2015 bà được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc công ty. Ngoài ra, bà có hơn 30 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý tại các công ty: công ty Cổ phần Vận tải Dịch vụ Hàng hóa, Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro)...



**Ông Đàm Quang Hùng**

*Phó Tổng Giám đốc*

(miễn nhiệm từ ngày 10/01/2020)

Trình độ: Cử nhân kinh tế công nghiệp

Ông Đàm Quang Hùng tham gia công tác tại Sơn Hà từ những năm đầu thành lập. Ông đã đảm nhiệm qua các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Thường trực công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Chủ tịch Công đoàn công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

#03

## Thành viên Ban Kiểm soát



**Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy**  
*Trưởng Ban*

Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.

Từng có kinh nghiệm công tác tại Sở Tài chính Lạng Sơn, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Công ty CP Đầu tư IDJ Việt Nam...



**Ông Nguyễn Văn Quyết**  
*Thành viên*

Thạc sĩ Luật/Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm

Từng có kinh nghiệm công tác tại ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội, Học viện Tài chính, CT CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp...



**Bà Lê Khánh Linh**  
*Thành viên*

Cử nhân Học viện Tài chính Hà Nội

Từng có kinh nghiệm công tác tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Đại Dương, Công ty Amisu Việt Nam...

# Chiến lược phát triển

#01

## Các mục tiêu chủ yếu năm 2020

Chủ trương chuyển đổi từ "Cảm trị" thành "Kỹ trị" trong quản lý

<p><b>01</b></p> <p><b>Sản phẩm</b> Định vị các dòng sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản phẩm chiến lược: ống công nghiệp inox, bồn chứa nước inox, Thái dương năng, bồn Septic/Jokaso</li> <li>Sản phẩm ưu tiên: bồn nhựa, bình nước nóng</li> <li>Sản phẩm mới: điều hòa, nồi cơm điện, sản phẩm nội thất, điện áp mái, cửa chống cháy, khóa từ</li> <li>Sản phẩm duy trì: máy lọc nước RO, bể chứa nước ngầm, lọc tổng</li> <li>Sản phẩm củng cố: bếp từ/bếp gas, hút mùi, chậu rửa, ống trang trí, sen vòi</li> </ul>	<p><b>03</b></p> <p><b>Marketing</b> Duy trì kênh truyền thống, ưu tiên digital marketing, thiết lập Specifying network (xây dựng quan hệ với các nhà đầu tư, nhà thầu, tư vấn thiết kế)</p>
<p><b>02</b></p> <p><b>Thị trường</b> Củng cố và hoàn thiện hệ sinh thái Sơn Hà</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất khẩu: phục hồi từng bước thị trường ống thép, nghiên cứu và khai thác thị trường hàng gia dụng</li> <li>Mở rộng và củng cố thị trường nội địa cho ống thép</li> <li>Tái cấu trúc lại SHM với mục tiêu hòa vốn trong năm 2019</li> <li>Tinh chỉnh hệ thống bán hàng của SHT/SH-V/TM1+2+3</li> </ul>	<p><b>04</b></p> <p><b>Đào tạo</b> Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp cho cán bộ lãnh đạo; nâng cao kỹ năng nghề nghiệp khối chuyên môn</p>
	<p><b>05</b></p> <p><b>Quản lý nhà thầu/ nhà cung cấp</b> Gia tăng công tác đánh giá – lựa chọn – quản lý giá/ chất lượng/ dịch vụ</p>
	<p><b>06</b></p> <p><b>Nâng cấp mức độ áp dụng Lean</b> Tại Bắc Ninh và Phùng, đào tạo và triển khai Lean tại SHV/TM1+2, áp dụng 3S &amp; 5S tại SHM</p>
	<p><b>07</b></p> <p><b>Tinh giản cấu trúc bộ máy</b> Tách và sát nhập các công ty thành viên/phòng ban phù hợp</p>

#02

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

<p><b>01</b></p> <p>Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu thông qua việc điều chỉnh mô hình tổ chức</p>	<p><b>02</b></p> <p>Gia tăng đầu tư vào lĩnh vực mới như cung cấp nước và năng lượng tái tạo</p>	<p><b>03</b></p> <p>Đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm nghiên cứu &amp; Phát triển để không ngừng đưa các sản phẩm mới được cải tiến về tính năng và thiết kế</p>
<p><b>04</b></p> <p>Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nguồn lực của toàn công ty</p>	<p><b>05</b></p> <p>Nâng cao quyền lợi cho cổ đông góp vốn</p>	<p><b>06</b></p> <p>Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động</p>

#03

## Các mục tiêu phát triển bền vững

<p><b>01</b></p> <p>Phát triển các sản phẩm có hiệu năng cao, thân thiện với môi trường phù hợp với nhu cầu và khả năng của người tiêu dùng</p>	<p><b>02</b></p> <p>Ứng dụng tiến bộ công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất</p>	<p><b>03</b></p> <p>Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh năng động, thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân và tương tác giữa các cá nhân để hình thành đội ngũ lao động có chuyên môn vững, tinh thần hợp tác</p>	<p><b>04</b></p> <p>Xây dựng mô hình doanh nghiệp hoạt động hiệu quả về mặt kinh tế, có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng</p>
---	---	--	---



**Phần 3**

# **BÁO CÁO**

**HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019  
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2020**

Phần 3. Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch phát triển năm 2020

# Báo cáo đánh giá của Ban điều hành

## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

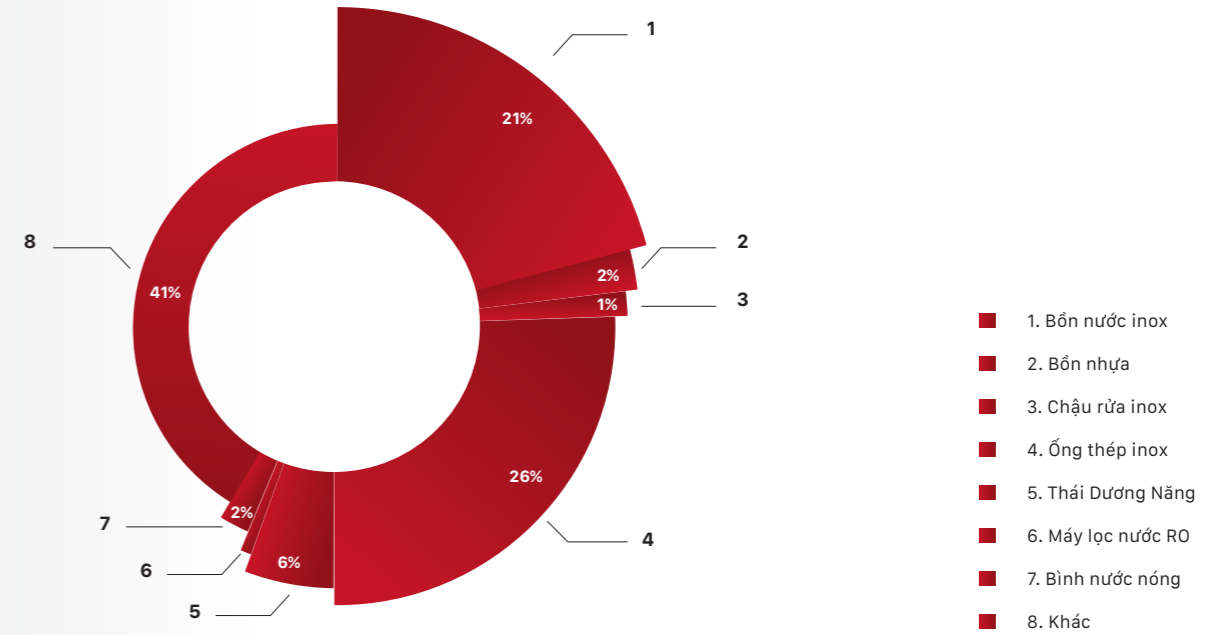
### Kết quả thực hiện trong năm

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%
1	Doanh thu (tỷ đồng)	4,800	4,807	100.1%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	110	99	90.0%
3	Cổ tức	10% mệnh giá	-	-

Về chỉ tiêu doanh thu, công ty đã vượt mức kế hoạch là 100,1%, mức lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ bằng 90% kế hoạch là do các nguyên nhân chính như sau: doanh thu thuần tăng 7,2% và giá vốn hàng bán tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến tỉ suất lợi nhuận gộp tăng từ 13% lên 14,2%, chi phí tài chính tăng 12,3%, chi phí bán hàng tăng 26,7%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4,8% so với các chỉ tiêu cùng kỳ năm trước.

### Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo sản phẩm

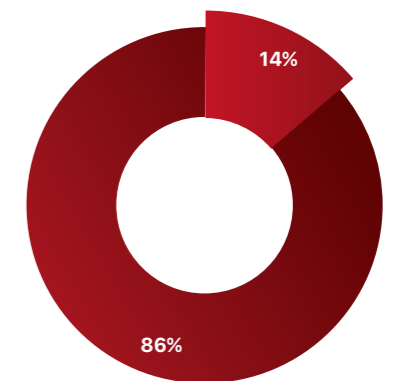
Sản phẩm	ĐVT	Sản lượng	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
Bồn nước inox	cái	334.715	998.419.709.179	639.163.122.431	359.256.586.748
Bồn nhựa	cái	98.037	105.739.046.538	72.253.102.794	33.485.943.744
Bồn septic	cái	6.845	29.237.471.183	18.295.766.012	10.941.705.171
Chậu rửa inox	cái	229.556	68.548.498.428	51.753.571.285	16.794.927.143
Ống thép inox	kg	25.130.497	1.231.903.108.275	1.127.576.735.059	104.326.373.216
Thái dương năng	bộ	74.746	269.645.022.781	201.401.784.448	68.243.238.333
Gia công cuộn cán inox	kg	-	-	-	-
Máy lọc nước RO	cái	26.151	38.175.370.052	31.336.144.778	6.839.225.273
Bếp các loại	cái	12.986	10.737.653.433	6.888.437.806	3.849.215.627
Bình nước nóng	cái	90.734	115.905.261.662	82.942.235.824	32.963.025.838
Bể lắp ghép	m3	226	2.182.062.837	1.484.776.030	697.286.807
Máy sấy tóc	cái	1.489	581.942.825	373.225.900	208.716.925
Máy xay sinh tố	cái	544	136.728.336	92.889.425	43.838.911
Ấm siêu tốc	cái	1.795	604.679.295	394.430.595	210.248.700
Bàn là	cái	3.345	517.876.514	509.079.730	8.796.784
Cây nóng lạnh	cái	1.674	2.292.841.901	1.760.320.803	532.521.098
Sen vòi	cái	3.028	3.076.182.424	2.507.139.410	569.043.014
Máy hút mùi	cái	3.073	17.580.117.255	13.785.563.941	3.794.553.314
Khác		41.780.842	1.911.812.532.532	1.872.230.351.951	39.582.180.581
<b>Tổng cộng</b>		<b>67.800.283</b>	<b>4.807.096.105.450</b>	<b>4.124.748.678.221</b>	<b>682.347.427.229</b>



Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo sản phẩm

### Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo thị trường

Thị trường	ĐVT	Sản lượng	Doanh thu thuần
<b>Trong nước</b>			<b>4.154.068.458.057</b>
Miền Bắc			3.375.121.350.995
Miền Trung			346.687.349.520
Miền Nam			432.259.757.542
<b>Xuất khẩu</b>			<b>653.027.647.393</b>
Ấn Độ	kg	9.843.222	522.584.889.385
Thổ Nhĩ Kỳ	kg	827.557	47.266.357.485
Ả Rập	kg	80.607	3.973.085.959
Ai Cập	kg	25.732	1.455.097.566
Cộng hòa Sip	kg	5.459	325.387.782
Hàn Quốc	kg	21.200	1.035.506.723
Đài Loan	kg	330.803	22.164.257.614
Srilanka	kg	9.945	550.471.092
Ukraine	kg		24.626.378.908
UAE	kg	42.959	3.283.972.992
Myanmar	kg	58.337	24.285.507.138
Pháp	kg	27.143	1.476.734.749
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.807.096.105.450</b>



Trong nước  
Xuất khẩu



# Báo cáo đánh giá của Ban điều hành

## Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm 2019, công ty tiếp tục thực hiện tối ưu hóa bộ máy quản lý, giảm xung đột giữa các kênh bán hàng, mở rộng thị trường nội địa đối với ống inox, nghiên cứu các dòng sản phẩm mới. Đặc biệt, Sơn Hà đã hoàn thành các thủ tục pháp lý thu tóm công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ, một thương hiệu bốn nước lâu đời có thị phần lớn ở các tỉnh khu vực phía Nam.

## Tình hình tài chính

### Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo thị trường

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	2019	2018
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.807,1	4.485,9
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	139,9	128,3
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	105,7	108,1
	<i>Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	99,0	103,1
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.136,0	1.443
<b>5</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>4.061,2</b>	<b>3.529,5</b>
5.1	Tài sản ngắn hạn	2.992,5	2.563,5
	<i>Phải thu ngắn hạn</i>	1.615,0	1.275,2
	<i>Hàng tồn kho</i>	1.050,8	1.003,1
5.2	Tài sản dài hạn	1.068,7	966,0
<b>6</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>4.061,2</b>	<b>3.529,5</b>
6.1	Nợ phải trả	2.786,5	2.413,2
	<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	1.969,9	1.593,3
	<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	227,2	304,1
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.274,7	1.116,3
6.3	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	186,2	52,8
7	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(209,8)	99,3
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(91,9)	(233,1)
9	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	263,6	197,8
10	Tiền và tương đương tiền cuối năm	142,4	181,0

## Đánh giá chung

Chỉ tiêu doanh thu thuần hợp nhất tăng so với cùng kỳ năm trước theo tỉ lệ là 7,2%, tỉ lệ lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ giảm 4%. Tổng tài sản tăng, tỉ lệ nợ/vốn chủ sở hữu tăng nhẹ so với năm trước theo tỉ lệ tương ứng là 15,1% và 2,2%. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư âm, hoạt động tài chính tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hợp nhất: tăng 7,2% đạt mức 4.807,1 tỷ đồng so với 4.485,9 tỷ đồng năm 2018. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế giảm 4 tỷ đồng, đạt mức 99 tỷ đồng so với 103 tỷ đồng năm 2018.

- Tình hình tài sản:
  - Tổng tài sản: tăng 17,0%, đạt mức 3.529,5 tỷ đồng so với mức 2.977,4 tỷ đồng năm 2018.
  - Nợ phải trả: tăng 15,1%, lên mức 4.061,2 tỷ đồng so với mức 3.529,5 tỷ đồng năm 2018. Vốn chủ sở hữu: tăng 14,2%, lên mức 1.274,7 tỷ đồng so với mức 1.116,3 tỷ đồng năm 2018.
  - Phải thu ngắn hạn của khách hàng: tăng 26,6%, lên mức 1.615,0 tỷ đồng so với mức 1.275,2 tỷ đồng năm 2018.
  - Hàng tồn kho: tăng 4,8%, lên mức 1.050,8 tỷ đồng so với mức 1.003,1 tỷ đồng năm 2018.
- Tình hình nợ phải trả:
  - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: tăng 23,6%, lên mức 1.969,9 tỷ đồng so với mức 1.593,3 tỷ đồng năm 2018.
  - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: giảm 25,3%, xuống mức 227,2 tỷ đồng so với mức 304,1 tỷ đồng năm 2018.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm, Sơn Hà tiếp tục điều chỉnh mô hình công ty mẹ công ty con mà trong đó công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đóng vai trò là công ty mẹ. Song song với xác định mô hình tổ chức, các chính sách quản lý cũng thay đổi qua việc phân quyền ở các bộ phận chức năng của công ty mẹ và công ty thành viên, xác lập mối quan hệ giữa bộ phận chức năng của công ty mẹ với các công ty con cũng như quyền hạn, nhiệm vụ của từng vị trí trong các bộ phận chức năng.

## Kế hoạch phát triển năm 2020



Xây dựng mô hình quản trị trực tuyến - chức năng, ứng dụng phần mềm Odoo, nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị, rà soát và hoàn thiện hệ thống văn bản, quy trình, quy chế của công ty.

Đẩy mạnh bán hàng kênh dự án và xuất khẩu, phát triển kênh thương mại điện tử - Ngôi nhà Sơn Hà.

Đưa robot vào sản xuất chân bồn inox, cổ liên thân bồn, đầu tư máy tạo hạt và tạo hạt màu bồn nhựa, giảm kích thước phôi ép ruột bình nước nóng, hoàn thành xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị cho nhà máy tại Cần Thơ của Toàn Mỹ.

Nghiên cứu và đưa vào sản xuất kinh doanh các dòng bình nước nóng Daria, bể ngầm, nổi cơm điện, lọc tổng, điều hòa, phát triển dự án biogas gia đình và công nghiệp, nghiên cứu phương án xây dựng nhà máy sản xuất tại Ấn Độ.

Nhận chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch và nước thải (từ Nhật Bản, Hàn Quốc), triển khai xây dựng một số dự án xử lý nước thải (tại Lạng Sơn, Hà Nội), xây dựng mạng lưới cấp nước tại các địa phương (huyện Thanh Oai - Hà Nội), thành lập viện nghiên cứu và ứng dụng công nghệ môi trường.

Phần 3. Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch phát triển năm 2020

# Báo cáo đánh giá của Hội đồng Quản trị

## Kết quả kinh doanh năm 2019

Trong năm 2019, một số các khoản đầu tư lớn của công ty được thực hiện như sau:

Khoản mục	Nội dung	Số tiền
Mua sắm TSCĐ	Mua sắm mới TSCĐ	116 tỷ đồng
Đầu tư XDCB	Chi phí XDCB dở dang phát sinh trong kỳ	108 tỷ đồng

### Kết quả thực hiện năm 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	4.807,1
2	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	139,9
3	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	105,7
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	99,0
4	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)</b>	1.136,0
5	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (31/12/2019)</b>	4.601,2
5.1	Tài sản ngắn hạn	2.992,5
5.2	Tài sản dài hạn	1.068,7
6	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (31/12/2019)</b>	4.601,2
6.1	Nợ phải trả	2.786,5
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.274,7

### So với kế hoạch đề ra

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%
1	Doanh thu (tỷ đồng)	4.800	4.807	100,1%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	110	99	90,0%
3	Cổ tức	10% mệnh giá	-	-

Như vậy, chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 100,1% so với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ đạt 90%, cổ tức sẽ được thực hiện sau kỳ ĐHCĐ thường niên 2020 theo quyết định của ĐHCĐ.

## Báo cáo tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	2019	2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản (tỷ đồng)	4.061,2	3.529,5	15,1%
2	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	4.807,1	4.485,9	7,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	133,3	128,2	7,2%
4	Lợi nhuận khác (tỷ đồng)	6,6	0,1	6,500%
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	139,9	128,3	9,0%
6	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ đồng)	99,0	103,1	(-3,9%)
7	<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Tổng lợi nhuận (%)</b>	<b>88%</b>	<b>83%</b>	<b>6%</b>

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2019	2018
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,17	1,2
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,76	0,7
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,69	0,7
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,19	2,2
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	4,02	3,9
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,18	1,3
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Tỉ suất lợi nhuận gộp (%)	14,2	13,0
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (%)	2,1	2,4
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu - ROE (%)	7,8	9,7
Hệ số LNST/Tổng tài sản - ROA (%)	2,2	3,1
Hệ số LN HKD/Doanh thu thuần (%)	2,8	2,9
EBIT/Doanh thu thuần (%)	5,7	5,4
EBITDA/Doanh thu thuần (%)	7,2	7,7

## Báo cáo tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu thông qua nghị quyết số 13/2019/NQ-SHI ngày 26/12/2019 của HĐQT
- Gia tăng đầu tư vào lĩnh vực mới như cung cấp nước và năng lượng tái tạo
- Đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển để không ngừng đưa các sản phẩm mới được cải tiến về tính năng và thiết kế
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động
- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nguồn lực của toàn công ty
- Nâng cao quyền lợi cho cổ đông góp vốn



**Phần 4**

**BÁO CÁO QUẢN TRỊ**

## Phần 4. Báo cáo quản trị

# Hoạt động của Hội đồng Quản trị

## 1. Các hoạt động của Hội đồng quản trị

- Triệu tập và tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2019;
- Hợp và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018, hàng quý năm 2019;
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2018;
- Thông qua giao dịch với các bên liên quan;
- Thực hiện các hoạt động giám sát khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý.

## 2. Các quyết định của Hội đồng Quản trị

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/2019/QĐ-SH	15/01/2019	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Văn Lương
2	05/2019/QĐ-SH	15/01/2019	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Trần Thị Thủy
3	01/2019/BB-SH	25/02/2019	Thay đổi nhân sự Ban Tổng Giám đốc: miễn nhiệm chức vụ TGD đối với ông Lê Vĩnh Sơn, Phó TGD đối với bà Trịnh Thị Khanh và bổ nhiệm chức vụ TGD đối với ông Nguyễn Viết Hà
4	03/2019/NQ-HĐQT	08/03/2019	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền
5	04/2019/BB-HĐQT	11/03/2019	Góp vốn thành lập công ty Sơn Hà-Wegen
6	04/2019/NQ-HĐQT	08/05/2019	Triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2018
7	99/2019/NQ-HĐQT	22/06/2019	Thay đổi vốn điều lệ công ty
8	05/2019/NQ-HĐQT	28/08/2019	Góp vốn thành lập công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường Sơn Hà; bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
9	06/2019/NQ-HĐQT	19/09/2019	Góp vốn thành lập công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam
10	08/2019/BB-HĐQT	07/11/2019	Chấm dứt hoạt động của công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà
11	225/2019/QĐ-SH	15/11/2019	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Phó TGD đối với bà Trần Kim Dung
12	226/2019/QĐ-SH	15/11/2019	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó TGD đối với ông Nhữ Văn Hoan
13	11/2019/BB-SHI	28/11/2019	Góp vốn thành lập Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ và Môi trường Sơn Hà
14	13/2019/NQ-SHI	26/12/2019	Phê duyệt Đề án tái cấu trúc tập đoàn Sơn Hà giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030
15	16/2019/NQ-HĐQT	27/12/2019	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty

Ngoài ra còn các quyết định liên quan đến việc vay vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

## 3. Chi trả thù lao năm 2019

### Thù lao của Hội đồng quản trị

Các khoản thù lao của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 dựa trên kết quả kinh doanh thể hiện trên Báo cáo tài chính kiểm toán và thời gian đảm nhiệm chức vụ. Với tỉ lệ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận là 89,91%, thù lao của các thành viên HĐQT được tính cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng)
1	Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	129.600.000
2	Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	48.600.000
3	Trần Kim Dung	Thành viên	48.600.000
4	Nguyễn Viết Hà	Thành viên	48.600.000
5	Phan Thế Ruệ	Thành viên	48.600.000
6	Ví Công Khanh	Thành viên	48.600.000

### Thù lao của Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Thù lao (đồng)
1	Nguyễn Viết Hà	Tổng Giám đốc		2.385.224.531
2	Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc		1.883.214.923
3	Trịnh Thị Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Tháng 1 và tháng 2	142.034.821
4	Nhữ Văn Hoan	Phó Tổng Giám đốc	Tháng 11 và 12	368.458.895

## Phần 4. Báo cáo quản trị

# Hoạt động của Ban kiểm soát

## Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty

Ban Kiểm soát đã tiến hành rà soát tình hình hoạt động của công ty, xem xét báo cáo tài chính, tổ chức họp cùng Ban Tổng Giám đốc, bộ phận tài chính, tổ chức kiểm toán. Qua đó, Ban Kiểm soát đưa ra nhận xét đồng ý về cơ bản với các báo cáo về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty do Ban Tổng Giám đốc và tổ chức kiểm toán đã đưa ra.

Các hoạt động của công ty đã tuân thủ yêu cầu quy định trong hệ thống quản trị nội bộ. Việc kiểm soát, rà soát quá trình hoạt động và tình hình tài chính được thực hiện nghiêm túc, kịp thời phát hiện vấn đề và có các giải pháp phù hợp.

## Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

### Về hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Các hoạt động chủ yếu của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

- Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, sắp xếp, cơ cấu lại chức năng các Phòng/Ban/Trung tâm trực thuộc công ty mẹ theo mô hình “trực tuyến – chức năng”. Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 2 quy chế:
  - Quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
  - Quy chế người đại diện của Sơn Hà tại doanh nghiệp khác
- Tái cơ cấu và quy hoạch phát triển đa ngành, góp vốn thành lập các công ty như:
  - Công ty SONHA – WEGEN
  - Công ty Cổ phần Công nghệ xử lý nước và Môi trường
  - Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam
  - Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ và Môi trường Sơn Hà
- Tăng vốn điều lệ lên hơn 870,8 tỷ đồng.
- Thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền và cổ phiếu theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã phê duyệt.
- Hội đồng quản trị đã quyết định phân công công tác đối với các thành viên trong Ban TGD. Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số chức danh như Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Hội đồng quản trị đã phê duyệt Đề án Tái cấu trúc Sơn Hà giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức công ty mẹ SHI theo mô hình Holding Company; Thực hiện tái cơ cấu hệ thống các công ty con, đơn vị, dự án trực thuộc công ty mẹ, quy hoạch phát triển 6 khối ngành chính (gia dụng, công nghiệp, năng lượng, nước, hạ tầng khu công nghiệp và bất động sản, nội thất); Quy hoạch, phát triển khối thương mại dịch vụ hỗ trợ phát triển chuỗi sản xuất của công ty gồm logistic, kinh doanh thương mại, mua sắm tập trung, Viện nghiên cứu và các Trung tâm R&D.
- Theo Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐQT ngày 26/12/2019, Hội đồng quản trị phê duyệt phương án Tái cấu trúc khối ngành gia dụng, lấy công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ làm hạt nhân và sắp xếp tổ chức lại các công ty thành viên cùng khối ngành. Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà góp vốn vào công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ thông qua việc chuyển toàn bộ vốn góp của Sơn Hà tại 03 công ty là: công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An, công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh, công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà về công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ. Sau tái cấu trúc, 03 công ty này trở thành công ty con 100% sở hữu của công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ.

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã đưa ra một số quyết định:

TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	04/2019/QĐ-SH	15/01/2019	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Văn Lương
2	05/2019/QĐ-SH	15/01/2019	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Trần Thị Thủy
3	01/2019/BB-SH	25/02/2019	Thay đổi nhân sự Ban Tổng Giám đốc: miễn nhiệm chức vụ TGD đối với ông Lê Vĩnh Sơn, Phó TGD đối với bà Trịnh Thị Khanh và bổ nhiệm chức vụ TGD đối với ông Nguyễn Viết Hà
4	03/2019/NQ-HĐQT	08/03/2019	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền
5	04/2019/BB-HĐQT	11/03/2019	Góp vốn thành lập công ty Sơn Hà-Wegen
6	04/2019/NQ-HĐQT	08/05/2019	Triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2018
7	99/2019/NQ-HĐQT	22/06/2019	Thay đổi vốn điều lệ công ty
8	05/2019/NQ-HĐQT	28/08/2019	Góp vốn thành lập công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường Sơn Hà; bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
9	06/2019/NQ-HĐQT	19/09/2019	Góp vốn thành lập công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam
10	08/2019/BB-HĐQT	07/11/2019	Chấm dứt hoạt động của công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà
11	225/2019/QĐ-SH	15/11/2019	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Phó TGD đối với bà Trần Kim Dung
12	226/2019/QĐ-SH	15/11/2019	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó TGD đối với ông Nhữ Văn Hoan
13	11/2019/BB-SHI	28/11/2019	Góp vốn thành lập Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ và Môi trường Sơn Hà
14	13/2019/NQ-SHI	26/12/2019	Phê duyệt Đề án tái cấu trúc tập đoàn Sơn Hà giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030
15	16/2019/NQ-HĐQT	27/12/2019	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty

Ngoài ra còn các quyết định liên quan đến việc vay vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các quyết định đều tuân thủ theo đúng quy trình, thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị công ty.

Phần 4. Báo cáo quản trị

# Hoạt động của Ban kiểm soát

## Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2019, trên cơ sở định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã quyết liệt trong chỉ đạo tổ chức và đạt được những kết quả quan trọng. Một số kết quả hoạt động theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty trong năm 2019 như sau:

Về cơ cấu tài sản nguồn vốn					
TT	Nội dung	Số cuối kỳ 31/12/2019	Số đầu kỳ 01/01/2019	Số cuối kỳ Tỷ lệ trên tổng TS-NV	Số đầu kỳ Tỷ lệ trên tổng TS-NV
<b>1</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	4.061.236.176.316	3.529.523.347.222		
1.1	Tài sản ngắn hạn	2.992.504.911.924	2.563.546.927.483	73,68%	72,63%
1.2	Tài sản dài hạn	1.068.731.264.392	965.976.419.739	26,32%	27,37%
<b>2</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	4.061.236.176.316	3.529.523.347.222		
2.1	Nợ phải trả	2.786.495.466.541	2.413.253.334.268	68,61%	68,37%
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.274.740.709.775	1.116.270.012.954	31,39%	31,63%

Cơ cấu tài sản năm 2019: tổng tài sản tăng xấp xỉ 532 tỷ, trong đó tỷ lệ tài sản ngắn hạn/tổng tài sản tăng và tỷ lệ tài sản dài hạn/tổng tài sản giảm.

Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/tổng tài sản năm 2019 tăng lên 1,05% so với tỷ lệ tài sản ngắn hạn/tổng tài sản năm 2018.

Tỷ lệ tài sản dài hạn/tổng tài sản năm 2019 giảm 1,05% so với tỷ lệ tài sản dài hạn/tổng tài sản năm 2018.

Cơ cấu nguồn vốn năm 2019: tổng nợ phải trả tăng lên 373 tỷ, tỷ lệ nợ phải trả/ nguồn vốn tăng lên 0.24%



Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

TT	Chi tiêu	So sánh với doanh thu		So sánh tăng (giảm) của 2019-2018	
		2019	2018	Giá trị	Tỷ lệ
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.009.897.373.159	4.658.360.150.402	351.537.222.757	7,5%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	202.801.267.709	172.437.159.196	30.364.108.513	17,6%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.807.096.105.450	4.485.922.991.206	321.173.114.244	7,2%
4.	Giá vốn hàng bán	4.124.748.678.221	3.903.055.648.711	221.693.029.510	5,7%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	682.347.427.229	582.867.342.495	99.480.084.734	17,1%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	14.656.940.568	27.601.760.882	(12.944.820.314)	-46,9%
7.	Chi phí tài chính	144.335.404.061	128.564.555.130	15.770.848.931	12,3%
	Trong đó: chi phí lãi vay	134.075.712.491	112.918.878.256	21.156.834.235	18,7%
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(1.895.490.669)	(4.117.023.379)	2.221.532.710	-54,0%
9.	Chi phí bán hàng	295.606.442.542	233.300.093.832	62.306.348.710	26,7%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	121.871.055.196	116.303.232.955	5.567.822.241	4,8%
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	133.295.975.329	128.184.198.081	5.111.777.248	4,0%
12.	Thu nhập khác	13.692.138.955	7.953.216.907	5.738.922.048	72,2%
13.	Chi phí khác	7.059.428.928	7.815.573.487	(756.144.559)	-9,7%
14.	Lợi nhuận khác	6.632.710.027	137.643.420	6.495.066.607	4718,8%
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	139.928.685.356	128.321.841.501	11.606.843.855	9,0%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34.180.335.974	20.188.154.507	13.992.181.467	69,3%
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	0,0%
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	105.748.349.382	108.133.686.994	(2.385.337.612)	-2,2%
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	98.956.178.833	103.108.452.251	(4.152.273.418)	-4,0%
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	6.792.170.549	5.025.234.743	1.766.935.806	35,2%
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.136	1.387		
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.136	1.387		

## Phần 4. Báo cáo quản trị

# Hoạt động của Ban kiểm soát

Theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ là 98,956 tỷ đồng giảm 4% so với năm 2018. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 là 1.136 đồng/cổ phiếu, giảm 251 đồng\1 cổ phiếu với năm 2018 (năm 2018 lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.387 đồng/cổ phiếu).

### Một số nguyên nhân chính

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: đạt 4.807 tỷ đồng, tăng 7,2% so với năm 2018 (là 4.485 tỷ đồng).
- Doanh thu hoạt động tài chính: năm nay đạt 14,6 tỷ, giảm 12,9 tỷ đồng, tương đương 49,6% so với năm 2018. Nguyên nhân chính năm 2018 tăng đột biến 13,8 tỷ từ thoái vốn công ty con nhưng năm 2019 không có hoạt động này nên coi như doanh thu hoạt động tài chính tương đương mọi năm.
- Giá vốn hàng bán:
  - Doanh thu năm nay tăng 7,2% so với năm 2018, trong khi đó giá vốn hàng bán tăng 5,7%. Tỷ lệ tăng của doanh thu cao hơn tỷ lệ tăng của giá vốn. Từ đó dẫn đến tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu năm 2019 là 85,81% thì năm 2018 là 87,01% dẫn đến lãi gộp (GP) tăng 17,1% tương ứng tăng 99,4 tỷ đồng.
  - Do giá vốn giảm nên tỷ lệ lãi gộp so với doanh thu thuần của năm 2019 tăng so với năm 2018 từ 12,99% lên 14,19%
- Chi phí tài chính: tăng 12,3% tương ứng 15,7 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu là do tăng chi phí lãi vay lên cao so với năm 2018
- Chi phí bán hàng: tăng 26,7% so với năm trước, tương ứng tăng 62,3 tỷ đồng chủ yếu là do tăng các chi phí sau: Chi phí nhân viên tăng lên 27,3 tỷ so với năm 2018; Chi phí bảo hành tăng lên 7,45 tỷ; Chi phí quảng cáo khuyến mại tăng lên 18,2 tỷ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên 4,8% tương ứng 5,56 tỷ đồng là do tăng chi phí nhân viên tăng 7 tỷ, chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 4 tỷ, chi phí đồ dùng văn phòng giảm đi gần 4 tỷ.
- Chi phí khác: Giảm 9,7%, tương ứng với 756 triệu đồng.

### Về dòng tiền năm 2019

TT	Nội dung	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	-209.832.804.827	99.322.043.375
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-91.965.793.023	-233.098.154.293
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	263.611.027.126	197.787.629.930
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	-38.187.570.724	64.011.519.012
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	181.020.914.065	117.082.644.677
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-417.028.898	-73.249.624
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	142.416.314.443	181.020.914.065

Trong năm 2019: dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và đầu tư đều âm. Dòng tiền từ hoạt động tài chính dương.

### Một số chỉ tiêu tài chính

- Với nhóm khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện thời giảm so với năm 2018 nhưng khả năng thanh toán nhanh của công ty lại tăng. Bên cạnh đó tỷ lệ khả năng thanh toán vẫn trong hạn mức cho phép nên công ty vẫn đáp ứng được nhu cầu vốn trong thanh toán.
- Với nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận ROA, ROE và ROS đều giảm so với năm 2018 tuy tỷ lệ tương đối nhỏ nhưng cũng chứng tỏ hiệu suất năm 2019 không vượt qua được năm 2018
- Với nhóm chỉ tiêu đánh giá sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của công ty: Nhóm chỉ tiêu này giảm hơn so với năm 2018 chứng tỏ trong năm 2019 công ty vẫn chưa sử dụng vốn hiệu quả hơn và cơ cấu vốn cũng chưa cải tiến hơn.

### Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Kiểm soát các khoản phải thu: Các khoản phải thu cuối năm 2019 chiếm 39,86% tổng tài sản của công ty tăng lên 3,71% so với tỷ lệ này thời điểm đầu năm.
- Kiểm soát chi phí: Công ty phải có kế hoạch kiểm soát chi phí. Với đặc thù là công ty sản xuất giá nguyên vật liệu đầu vào lớn do đó yêu cầu doanh nghiệp đa dạng nguồn nguyên vật liệu, chất lượng giá cả phù hợp, giảm chi phí. Việc giảm chi phí giá thành sẽ tạo bước đột phá về lợi nhuận bền vững hơn.
- Với chi phí bán hàng: trong năm 2019 tăng cao, Ban Kiểm soát kiến nghị với Ban điều hành cần xem xét, đánh giá tính hiệu quả của việc gia tăng các khoản chi như chi phí nhân viên, chi phí quảng cáo khuyến mại.
- Với chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 đã có những bước tiết kiệm đáng kể nhưng chi phí nhân sự vẫn tăng lên khá cao do đó Ban Kiểm soát kiến nghị tiếp tục rà soát lại cơ cấu nhân sự, có hệ thống đánh giá nhân sự rõ ràng, giao trách nhiệm và đánh giá công việc trên tiêu chí định lượng.
- Có kế hoạch cơ cấu lại nguồn vốn: Trong cơ cấu nguồn vốn của công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất, nợ phải trả vẫn ở mức cao so với vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm 31/12/2019, nợ phải trả gấp 2.19 lần vốn chủ sở hữu, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 91,82% nợ phải trả cho thấy hoạt động của công ty phụ thuộc rất nhiều vào vốn vay ngân hàng, chủ yếu là vốn vay ngắn hạn. Điều này làm phát sinh vấn đề về rủi ro thanh khoản, rủi ro trong việc đảm bảo ổn định nguồn vốn hoạt động lâu dài cho Công ty và phát sinh tăng chi phí tài chính. Ban Kiểm soát đề nghị Ban Tổng Giám đốc lưu ý tới vấn đề này trong quá trình hoạt động.

### Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Ban kiểm soát đã tiếp cận, rà soát một cách độc lập, khách quan các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động và các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát cũng được cung cấp một cách tương đối đầy đủ các tài liệu liên quan. Đồng thời, Ban kiểm soát vẫn luôn giữ liên hệ với các cổ đông, tiếp thu ý kiến phản hồi của các cổ đông

## Phần 4. Báo cáo quản trị

# Hoạt động của Ban kiểm soát

### Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019

- Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Các Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) là đơn vị đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.
- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty: "Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019"
- Ban kiểm soát đã xem xét, Báo cáo tài chính năm 2019, báo cáo thể hiện tương đối đầy đủ, rõ ràng, phản ánh khá trung thực tình hình tài chính của công ty

### Phần triển khai một số nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	4.800	4.807,1	100,15%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	110	98,90	89,91%
3	Cổ tức (đồng)	10% mệnh giá		

Năm 2019 doanh thu thuần đạt 4,807,1 tỷ đồng so với kế hoạch là 4,800 tỷ đồng, đạt 100,15%. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 98,90 tỷ đồng so với kế hoạch là 110 tỷ đồng, đạt 89,91%.

#### Các hoạt động khác đã được thông qua tại Đại hội

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018. Thù lao thực nhận của các thành viên phụ thuộc vào thời gian đảm đương chức danh trong năm.

#### Chi trả thù lao cho Ban kiểm soát

TT	Họ và tên thành viên	Chức danh	Thù lao
1	Bà - Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	48.000.000
2	Ông - Nguyễn Văn Quyết	Thành viên	24.000.000
3	Bà - Lê Khánh Linh	Thành viên	24.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>96.000.000</b>

### Lựa chọn Công ty kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2019 được công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) kiểm toán. Công ty A&C nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

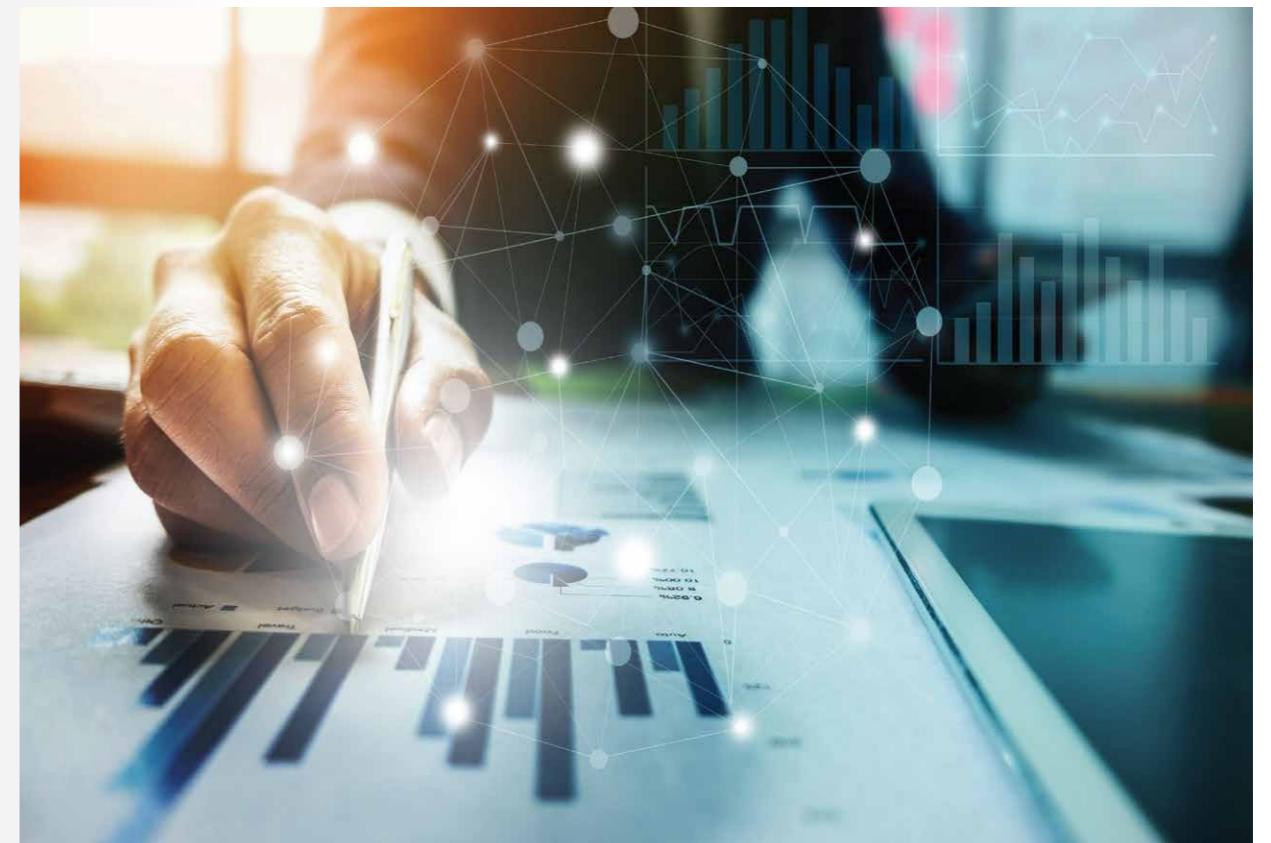
Như những năm trước đây Ban kiểm soát đã có ý kiến, công ty A&C đã tham gia kiểm toán cho công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà từ năm 2008 vì vậy đề nghị Hội đồng quản trị cân nhắc việc thay đổi công ty kiểm toán để đảm bảo tính khách quan trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (SHE) được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

### Thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp và hướng tới những chuẩn mực tốt hơn trong quản trị doanh nghiệp, tại Đại hội thường niên 2020, Hội đồng Quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát được quy định tại Điều 11 Điều lệ Công ty. Theo đó, Ban kiểm soát sẽ được thay thế bởi Ban Kiểm toán nội bộ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Điều lệ Công ty và Quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty.





Phần 4. Báo cáo quản trị

# Quan hệ cổ đông

Thông tin đã được công bố theo quy định hiện hành tại thông tư 155/2015/TT-BTC, Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM.

Hệ thống quản trị công ty xây dựng và thực hiện tuân thủ theo các quy định tại nghị định số 71/2017/NĐ-CP và thông tư 95/2017/TT-BTC áp dụng đối với các công ty đại chúng đảm bảo các mục tiêu: trách nhiệm giải trình, minh bạch, công bằng, được giám sát độc lập, theo định hướng và hài hòa lợi ích các bên liên quan. Đây cũng là nội dung truyền thông/thông điệp tới các nhà đầu tư.

Để thực hiện công tác truyền thông, công ty đã thành lập bộ phận chuyên trách, sử dụng các công cụ thông tin theo quy định như trang thông tin điện tử của công ty, kênh công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cũng như các kênh thông tin đại chúng như báo giấy, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, tổ chức các sự kiện chuyên biệt hoặc kết hợp để chuyển tải thông điệp tới nhà đầu tư và các bên liên quan. Các công việc đã và đang được thực hiện:

- Thực hiện các hoạt động đảm bảo quyền lợi và lợi ích của nhà đầu tư như thực hiện chi trả cổ tức đúng quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, lập và đăng ký danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tổng hợp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh hàng tháng của công ty, soạn lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị của công ty.
- Các thông tin và tài liệu giới thiệu và cập nhật về công ty và cổ phiếu SHI được cung cấp cho các bên liên quan và cộng đồng đầu tư; cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư về tình hình kinh doanh của công ty;
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến thủ tục phát hành cổ phiếu trả cổ tức và việc thực hiện quyền của cổ đông;
- Tiếp nhận và trả lời những thắc mắc hay yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư; tổ chức gặp gỡ các nhà đầu tư bất thường và định kỳ; xây dựng quan hệ và làm việc với các đơn vị phân tích, môi giới chứng khoán;
- Giám sát và theo dõi việc đăng tải, đưa tin về công ty và cổ phiếu SHI trên các phương tiện truyền thông, trong đó có các kênh truyền thông chứng khoán, đảm bảo các thông tin là chính xác và cập nhật thường xuyên;
- Quản lý chuyên mục "Cổ đông & Nhà đầu tư" trên website của công ty, đảm bảo thông tin được cập nhật thường xuyên và chính xác; chủ trì việc chuẩn bị nội dung Bản tin Nhà đầu tư hàng tháng; quản lý và chủ trì việc giao tiếp với cổ đông và nhà đầu tư thông qua các kênh truyền thông.
- Báo cáo quản trị của công ty trong 02 năm liên tiếp 2018, 2019 đều được vào danh sách bình xét "Bình chọn Doanh nghiệp niềm yết năm" nhóm doanh nghiệp có vốn hóa nhỏ.



### Cơ cấu cổ đông

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	13.912.279	16,0	1	0	1
<i>Trong nước</i>	13.912.279	16,0	1	0	1
<i>Nước ngoài</i>	0	0	0	0	0
Cổ đông lớn	28.558.959	32,8	3	1	2
<i>Trong nước</i>	28.558.959	32,8	3	1	2
<i>Nước ngoài</i>					
Công đoàn công ty					
<i>Trong nước</i>					
<i>Nước ngoài</i>					
Cổ phiếu quỹ	318.860	0,4	1	1	-
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
Cổ đông khác	58.210.362	66,8	2.244	38	2.206
<i>Trong nước</i>	57.612.252	66,1	2.200	29	2.171
<i>Nước ngoài</i>	598.110	0,7	44	9	35
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.088.181</b>	<b>100,0</b>	<b>2.248</b>	<b>40</b>	<b>2.208</b>
<i>Trong nước</i>	86.490.071	99,3	2.204	31	2.173
<i>Nước ngoài</i>	598.110	0,7	44	9	35

### Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TT	Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ông Lê Vĩnh Sơn	139.122.790.000	136.394.900.000
2	Ông Lê Hoàng Hà	16.227.920.000	85.285.220.000
3	Các cổ đông khác	715.531.100.000	632.193.250.000
	<b>Cộng</b>	<b>870.881.810.000</b>	<b>853.873.370.000</b>

Phần 4. Báo cáo quản trị

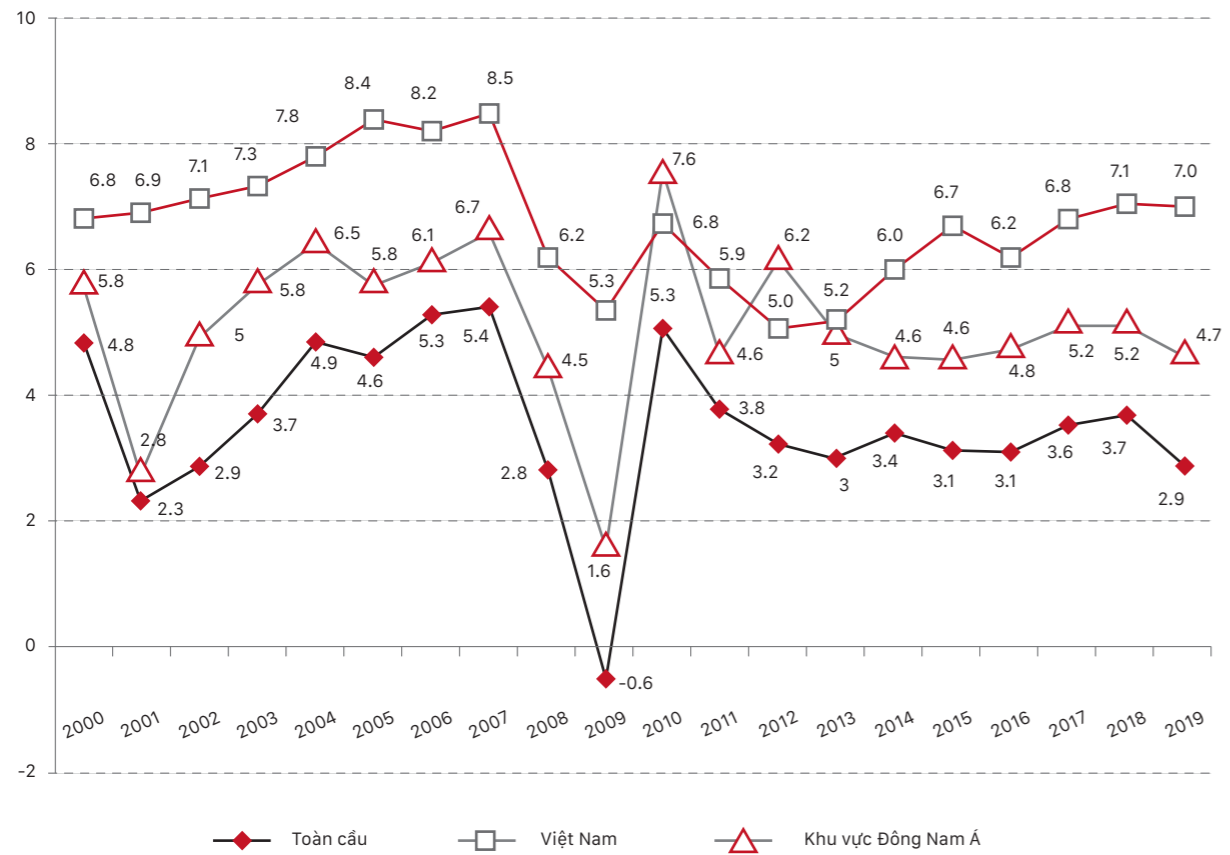
# Quản trị rủi ro

## Rủi ro về kinh tế

### Tăng trưởng

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

**Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam** Nguồn: GSO, IMF

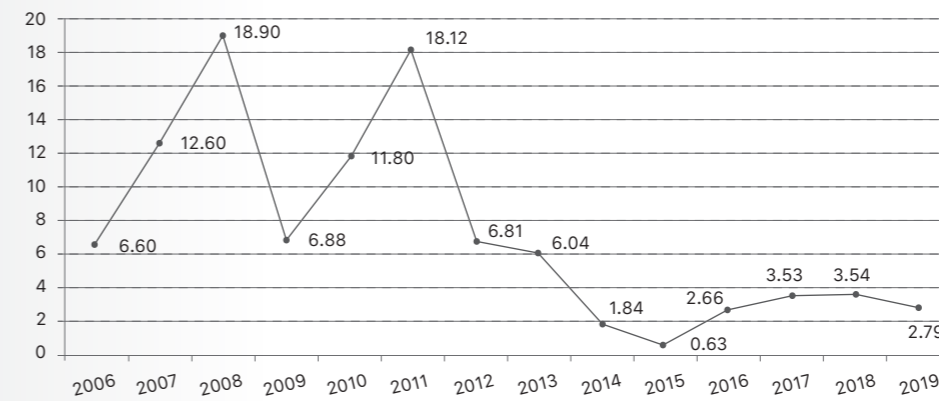


Kinh tế trong nước năm 2019 đã duy trì tốc độ tăng trưởng cao với mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 7,02%. Với dự báo trong các năm tiếp theo, kinh tế thế giới tiếp tục đà tăng trưởng tuy có chậm hơn, còn kinh tế trong nước tiếp tục duy trì và đạt được tốc độ tăng trưởng cao hơn.

### Rủi ro lạm phát

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công...

**Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam** Nguồn: GSO



Theo thông báo của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2019 tăng 2,79% so với CPI bình quân năm trước.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong năm 2019 lãi suất trên thị trường tương đối ổn định, lãi suất phổ biến 0,8% - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3% - 5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3% - 6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5% - 7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6% - 6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9% - 10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn.

Lãi suất (cho vay) ngân hàng là một trong những biến số quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh mà cụ thể là kế hoạch nguồn vốn với mục tiêu cơ cấu vốn linh hoạt, chi phí hợp lý, phù hợp với diễn biến của thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán.

### Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam.

Ngoài ra, công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của công ty, các quy định về xuất nhập khẩu, cũng như những quy định và chính sách của nước nhập khẩu sản phẩm của công ty. Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của công ty. Công ty đã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách về nhập khẩu của các nước mà công ty có thị trường xuất khẩu để nhằm hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong giao dịch.

# Quản trị rủi ro

## Rủi ro đặc thù

### Rủi ro ngành

#### • Thị trường xuất khẩu

Hiện tại sản phẩm ống thép của Sơn Hà do công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam sản xuất đã được xuất khẩu vào 35 quốc gia và vùng lãnh thổ, công ty tiếp tục chính sách mở rộng thị trường. Sản phẩm ống thép xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về độ chính xác và chất lượng cao ý thức được điều này, công ty đã xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 và thực hiện đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách ổn định. Đối với các sản phẩm xuất khẩu, công ty đã đáp ứng được yêu cầu và được cấp chứng nhận PED (Pressure Equipment Directive) cho các sản phẩm ống xuất khẩu vào thị trường châu Âu, và đáp ứng các tiêu chuẩn A312, A554, A778 của ASTM (American Society for Testing and Material) đối với sản phẩm ống thép công nghiệp và trang trí xuất khẩu vào thị trường sử dụng tiêu chuẩn ASTM.

#### • Thuế chống bán phá giá

Sản phẩm của công ty được xuất khẩu tới 35 quốc gia và vùng lãnh thổ khác, do vậy, ở các thị trường này công ty có khả năng đối diện với thuế chống bán phá giá. Sở dĩ có hiện tượng như vậy là do xuất phát từ chính sách bảo hộ doanh nghiệp trong nước hoặc do việc không tận dụng được lợi thế để giảm giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nước sở tại, nguyên nhân khác là do cạnh tranh thiếu công bằng của các doanh nghiệp xuất khẩu ở các quốc gia khác.

Thị trường trong nước: các doanh nghiệp sản xuất và phân phối nguyên liệu đầu vào là thép không gỉ đã có sự cạnh tranh với các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu nước ngoài. Doanh nghiệp sẵn sàng nộp đơn kiện chống bán phá giá nguyên liệu đối với các doanh nghiệp đến từ các nước khác để bảo vệ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Khi xảy ra những đợt kiện chống bán phá giá nguyên liệu, các doanh nghiệp nước ngoài bị áp thuế chống bán phá giá dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào của công ty có thể bị điều chỉnh tăng do thuế suất tăng và/hoặc do các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu trong nước tăng giá hoặc áp đặt các điều kiện thanh toán bất lợi hơn cho khách hàng, từ đó có thể làm tăng giá thành sản phẩm của công ty.

#### • Rủi ro về nguyên vật liệu

Là một công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm làm từ thép không gỉ, nguyên liệu chính của Sơn Hà là thép không gỉ được nhập khẩu từ nước ngoài và một số ít công ty trong nước. Giá của nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Giá của nguyên liệu thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó, nếu nguồn nguyên vật liệu không được cung cấp đầy đủ và đúng hạn thì có thể công ty không sản xuất đủ sản phẩm cung cấp cho các đơn hàng. Để giảm rủi ro, công ty đã chủ động tìm kiếm những nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo thời hạn giao hàng cũng như chất lượng sản phẩm.

#### • Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Sản phẩm chính của Sơn Hà là những đồ gia dụng thiết yếu, vì vậy lượng cầu không giảm nhiều như những sản phẩm khác. Đồng thời, công ty đã chủ động điều chỉnh sản lượng cho phù hợp với sức tiêu thụ của thị trường.

### Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, có khoảng 20 doanh nghiệp trong nước bên cạnh các sản phẩm được nhập khẩu trong đó có những công ty lớn, có uy tín và đang cạnh tranh trực tiếp với công ty như Tân Á, Tân Mỹ ở sản phẩm bồn nước, chậu rửa; Hoàng Vũ, Tiến Đạt ở sản phẩm ống inox, hay Kangaroo, Sunhouse ở các sản phẩm gia dụng. Sơn Hà đang nỗ lực cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã để chiếm lĩnh thị trường, tiến tới mục tiêu trở thành tập đoàn sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ, sản phẩm gia dụng hàng đầu Việt Nam.





**Phần 5**  
**BÁO CÁO**  
**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Phần 5. Báo cáo phát triển bền vững

# Định hướng phát triển bền vững

Nhìn lại chặng đường năm 2019, vượt qua nhiều khó khăn và thách thức, Sơn Hà đã và đang hoàn thiện cam kết phát triển XANH – ngưng làm tổn thương thiên nhiên, bảo vệ môi trường và tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện. Bởi chúng tôi tin rằng muốn đi xa phải cùng nhau, tạo ra những giá trị bền vững cho các bên liên quan!



## TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

- > Duy trì mức tăng trưởng ổn định
- > Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường



## PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- > Tạo công ăn việc làm cho gần 2.000 lao động
- > Đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất
- > Xây dựng môi trường lao động tốt để người lao động phát huy được năng lực, cống hiến cho Công ty
- > Đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động



## CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- > Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường
- > Thực hiện tiết kiệm năng lượng trong sản xuất tại nhà máy và văn phòng



## HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

- > Mang nước sạch lên vùng cao
- > Đồng hành cùng Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam



## CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



#01

## Tối ưu kinh tế để tăng trưởng bền vững

### Duy trì mức tăng trưởng ổn định

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà luôn chú trọng sản xuất và kinh doanh, đảm bảo doanh thu tăng trưởng ổn định qua các năm; duy trì thị phần tại các thị trường cốt lõi; liên tục phát triển thị trường mới và tăng cường xuất khẩu sang nước ngoài.

Năm 2019, tổng doanh thu của Sơn Hà đạt 4.807 (tỷ đồng) và nộp ngân sách Nhà nước 216 tỷ đồng. Sơn Hà cũng liên tục khẳng định được vị thế dẫn đầu ngành hàng gia dụng với thương vụ thu mua thành công Toàn Mỹ, mở rộng sản xuất và phân phối hàng hóa xuống các tỉnh phía Nam.

### Chuyển mình cùng công nghệ

Không hài lòng với sự phát triển của các ngành hàng truyền thống, Sơn Hà luôn không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu các sản phẩm, lĩnh vực công nghệ cao, tiên phong trong phát triển năng lượng sạch. Năm 2019, bên cạnh điện mặt trời áp mái, biogas, công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà còn mở rộng đầu tư sang lĩnh vực nước sạch và xử lý nước thải với các dự án quy mô lớn, hợp tác cùng đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc.

Tháng 9/2019, Sơn Hà thành lập công ty chuyên về xử lý nước thải: SHWE với công nghệ xử lý hiện đại được chuyển giao từ thành phố Gyeongju – Hàn Quốc. Tháng 10/2019, tại Tòa thị chính Gyeongju, ngài Nakyoung Ju- Thị trưởng thành phố Gyeongju, và ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị Sơn Hà đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ nước. Hợp đồng này nhằm chuyển giao các công nghệ xử lý nước sạch và nước thải tiên tiến đã áp dụng thành công tại Hàn Quốc và nhiều quốc gia trên thế giới. Bao gồm công nghệ xử lý nhanh nước thải (GJ-R) và công nghệ lọc nước bằng phun tách (GJ-S), những sáng chế này được phát triển bởi Viện Nghiên cứu nước TP Gyeongju, và đã được nhận bằng Công Nghệ Xanh của Bộ Tài Nguyên Môi trường Hàn Quốc. Công nghệ GJ-S là công nghệ vi sinh tiên tiến nhất hiện nay. Là sự kết hợp giữa công nghệ vi sinh hiện đại nhất của các nước cùng với 25 năm nghiên cứu phát triển để tạo ra công nghệ này

Với những nỗ lực không ngừng đó, Sơn Hà đã vinh dự được trao tặng giải thưởng Năng lượng xanh, Top 1 sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội và TOP1 hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích năm 2019.

Phần 5. Báo cáo phát triển bền vững

# Định hướng phát triển bền vững

#02

## Phát triển nguồn nhân lực

Năm 2019, tổng số nhân lực của Sơn Hà là 1.944 người (tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính).

### Đảm bảo quyền lợi của nhân viên

#### Chế độ làm việc

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tổ chức làm việc 8 giờ/ngày; 5,5 ngày/tuần và tuân thủ các chế độ về nghỉ phép, nghỉ lễ... theo quy định của Luật Lao động.

Đặc thù của Công ty về sản xuất và kinh doanh vì vậy môi trường làm việc của 2 đối tượng lao động phổ thông (công nhân sản xuất) và khối văn phòng, hành chính cũng có sự khác biệt cụ thể. Công ty đã xây dựng các biện pháp để đáp ứng cho từng đối tượng lao động.

Tại các phân xưởng, cán bộ nhân viên được cấp phát đồng phục bảo hộ, mũ bảo hộ, kính, găng tay, khẩu trang chống tia điện...

Bên cạnh đó tại các đơn vị, phân xưởng làm việc luôn có một số dụng cụ y tế như băng, gạc, bông, thuốc sát trùng. Việc chấp hành quy định 5S luôn được công ty đề cao và kiểm soát chặt chẽ để nhằm đảm bảo vệ sinh nơi làm việc cũng như đảm bảo tính an toàn cho từng bộ phận làm việc liên quan.

#### Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà luôn coi trọng yếu tố con người, xây dựng chính sách đãi ngộ theo hướng cạnh tranh, đảm bảo thu nhập tương xứng với kết quả công việc và những đóng góp chung vào sự phát triển của công ty.

Đồng thời, công ty cũng tuân thủ nghiêm quy định về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người lao động. Nhiều chính sách phúc lợi đã được Sơn Hà thực hiện như:

- Tổ chức cho cán bộ nhân viên và gia đình đi nghỉ mát.
- Tổ chức khám chữa bệnh cho người lao động định kì.
- Tổ chức thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ.
- Tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao như: sinh nhật hàng tháng cho CBNV, tổ chức các ngày lễ, tết như 8/3, 20/10, gặp mặt đầu xuân...
- Tăng cường các phụ cấp ăn trưa, xăng xe, đưa đón CBNV...

#### Đào tạo nguồn nhân lực bền vững

Nhằm đáp ứng được yêu cầu của công nghệ, Sơn Hà không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện nguồn nhân lực, tiến tới nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Công ty đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và kĩ năng cho tất cả các chức danh. Cụ thể:

- Số khóa đào tạo trong năm: 12
- Số lượng nhân viên được đào tạo: 149
- Số lượng cán bộ quản lý được đào tạo: 72

Bảng một số chương trình đào tạo tiêu biểu năm 2019

TT	Tên chương trình	Đối tượng	Thời gian
1	Giám đốc Tài chính - CFO	Trưởng/Phó Ban Tài chính, Kế toán trưởng	07/2019
2	Đào tạo sản phẩm mới: Bể nước ngầm Sơn Hà	Bộ phận Kinh doanh, Bảo Hành, nhân viên lắp đặt, vận chuyển	02/2019
3	BSI - KPIs trong quản trị doanh nghiệp	Ban Nhân sự	09/2019
4	Incoterms 2020 Và quy tắc xuất xứ hàng hóa mới, những lưu ý khi sử dụng	Phòng Kinh doanh Quốc tế, Ban Kiểm toán nội bộ	10/2019
5	Hợp đồng lao động	Ban Nhân sự	08/2019
6	Các quy định mới về KTNB theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP của Chính phủ	Ban KS&KTNB	08/2019
7	Định hướng mô hình KTNB tại Công ty mẹ Sơn Hà và các Công ty thành viên	Ban KS&KTNB	08/2019
8	Giới thiệu Power Query, Power Pivot trong excel để giảm thiểu thời gian xử lý công việc & Power BI	Ban Kế toán	08/2019
9	Đào tạo phần mềm thiết kế 3D	Trung tâm R&D	08/2019
10	Chính sách thuế 2019-2020	Ban Kế toán	09/2019



Phần 5. Báo cáo phát triển bền vững

# Định hướng phát triển bền vững

#03

## Chung tay bảo vệ môi trường

Với hệ thống các nhà máy trải dài trên toàn quốc, công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà luôn chú trọng vận hành sản xuất tiết kiệm để không chỉ giảm chi phí vận hành, tăng hiệu quả sản xuất mà còn giảm gánh nặng tài nguyên, nâng cao nhận thức về môi trường cho CBNV.

Các hoạt động báo cáo tác động môi trường, quan trắc môi trường, quản lý chất thải... được Sơn Hà triển khai nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

**Văn phòng tiết kiệm năng lượng**



Kiểm tra và giám sát việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong phòng/ban; tổ chức tuyên truyền CBNV thực hiện tiết kiệm năng lượng.

Khi mua sắm các phương tiện, thiết bị sử dụng điện phải ưu tiên mua sắm các phương tiện, thiết bị được dán nhãn năng lượng, loại nhãn xác nhận (nhãn ngôi sao năng lượng) hoặc nhãn so sánh đạt cấp hiệu suất năng lượng 5 sao.

Xây dựng mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất.

**Nhà máy tiết kiệm năng lượng**



Khuyến khích mua sắm, lắp đặt các phương tiện, thiết bị mới sử dụng các sản phẩm được dán nhãn tiết kiệm năng lượng.

Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng, biện pháp công nghệ phù hợp và thiết bị công nghệ có hiệu suất năng lượng cao, sử dụng các dạng năng lượng thay thế có hiệu quả cao hơn trong dây chuyền sản xuất.

Tiến hành thay thế dần các dây chuyền công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng; thực hiện việc đầu tư nâng cấp, cải tiến, hợp lý hóa công nghệ sử dụng năng lượng nhằm hạ thấp suất tiêu hao năng lượng trên một đơn vị sản phẩm. Đặc biệt, nhà máy Sơn Hà đã thực hiện lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời.

Tổ chức các lớp tập huấn về quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng.

Khen thưởng các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt; xử lý kịp thời các vi phạm quy định về sử dụng tiết kiệm năng lượng.

**Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường**



Sơn Hà là doanh nghiệp tiên phong trong phong trào Giờ Trái đất, góp phần nâng cao ý thức tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường. Đồng thời, Đoàn thanh niên Sơn Hà cũng kết hợp cùng các cơ sở đoàn địa phương, tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường. Năm 2019, Sơn Hà đã hưởng ứng chương trình "Ra quân bảo vệ môi trường biển" tại Thanh Hóa.





➤➤ Phần 5. Báo cáo phát triển bền vững

# Định hướng phát triển bền vững

#04

## Hỗ trợ các hoạt động cộng đồng và xã hội

Sơn Hà luôn cam kết đạo đức kinh doanh là thực hiện trách nhiệm xã hội bằng những chương trình thiện nguyện hướng tới người dân nghèo, chia sẻ và làm vơi bớt khó khăn của đồng bào mình. Hướng tới đích đến trong hành trình phát triển chung của xã hội, sẽ không còn những đối tượng thiệt thòi bị bỏ quên lại phía sau trong đói nghèo và bất bình đẳng, Sơn Hà đã trích lại lợi nhuận kinh doanh để thực hiện các chương trình thiện nguyện và công ích cộng đồng



### Xây dựng phòng học tại điểm trường vùng cao

Trong mục tiêu trách nhiệm cộng đồng của năm 2019, Sơn Hà quyết định tập trung các hoạt động thiện nguyện của mình cho đồng bào và học sinh tiểu học vùng miền núi phía Bắc. Công ty đã lựa chọn xây phòng học tại điểm trường xã Thanh Lòa - một xã nghèo thuộc vùng đặc biệt khó khăn của huyện Cao Lộc với dân số chủ yếu là bà con dân tộc thiểu số (chiếm trên 50%).

Những năm qua tuy được nhà nước đầu tư xây dựng nhưng cơ sở vật chất của điểm trường, trang thiết bị dạy học cho học sinh hàng ngày đang còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu cho các hoạt động giáo dục. Trường Phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Lòa có 265 học sinh nhưng chỉ bao gồm 1 điểm trường chính và 2 điểm trường lẻ, các cấp học còn phải học chung gây ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục.

Kịp thời động viên, hỗ trợ và chia sẻ một phần những khó khăn, vất vả của các em học sinh, công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã tài trợ 100% kinh phí xây dựng thêm phòng học và các công trình phụ tại điểm trường Thanh Lòa, thắp sáng ước mơ đi tìm con chữ của học sinh nghèo nơi đây. Đầu năm 2020, từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Tập đoàn Sơn Hà, công trình phòng học được xây dựng khang trang, kiên cố với trang bị hệ thống chiếu sáng, thiết bị dạy và học đầy đủ, sân chơi bê tông và xây mới các hạng mục phụ trợ.



## Phần 5. Báo cáo phát triển bền vững

# Định hướng phát triển bền vững

### Chung sức ủng hộ Trường Sa

Hưởng ứng và thực hiện Kế hoạch số 118-KH/TU ngày 02/02/2019 của Thành ủy Hà Nội về việc tổ chức Đoàn đại biểu Thành phố Hà Nội đi thăm, động viên quân và dân huyện đảo Trường Sa, cán bộ, chiến sỹ Nhà giàn năm 2019, các quận, huyện, thị xã và một số xã, phường, thị trấn; các sở, ngành và doanh nghiệp đã tích cực, chủ động tham gia đóng góp, ủng hộ kinh phí, quà tặng cho quân, dân trên các đảo và cán bộ, chiến sỹ Nhà giàn DK1.

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã gửi tặng quân và dân huyện đảo Trường Sa cùng cán bộ, chiến sỹ Nhà giàn DK1 40 bồn chứa nước nhựa 1.000 lít, với tổng trị giá 100 triệu đồng. Món quà khiêm tốn này của Sơn Hà chính là tình cảm, sự quan tâm của gần 2.000 cán bộ nhân viên Sơn Hà gửi tới quân, dân huyện đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1, mong các chiến sĩ luôn “giữ vững tay súng” bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo, thêm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Đồng thời đây cũng là hành động thiết thực, tái khẳng định cam kết phát triển bền vững của Tập đoàn Sơn Hà. Không chỉ chú trọng tăng trưởng kinh tế, Sơn Hà còn đi đầu trong các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội và đặc biệt quan tâm, hưởng ứng các phong trào hướng về biển đảo.

### Góp phần xây dựng nông thôn xanh – sạch – đẹp

Tháng 11/2019, Sơn Hà đã tài trợ 10 bồn Biogas, trị giá 100 triệu đồng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn huyện Đông Anh, Hà Nội. Đây không chỉ là những phần quà ý nghĩa, giúp cải thiện điều kiện sinh hoạt của các hộ gia đình nghèo mà còn góp phần bảo vệ môi trường trong sạch, chung sức xây dựng nông thôn mới.

Hoạt động từ thiện tặng 10 bồn biogas tại Đông Anh lần này là một trong nhiều chương trình vì cộng đồng thường niên của công ty, góp phần chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Với mong muốn nâng cao chất lượng sống của các gia đình Việt, Sơn Hà đã và đang phát triển các giải pháp về môi trường phù hợp điều kiện thực tế Việt Nam, xử lý chất thải tại nguồn cho các hộ gia đình từ thành thị đến nông thôn.

### Gửi “yêu thương” tới các gia đình nghèo ngày đông

Tháng 12/2019, công ty đã phối hợp cùng chính quyền UBND Phường Minh Khai – Quận Bắc Từ Liêm – TP Hà Nội trao tặng bình nước nóng Daria 20L cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương. Đây là một hoạt động từ thiện ý nghĩa nằm trong chiến dịch “Nói lời yêu thương” được Sơn Hà phát động trên Fanpage, qua thử thách “Nhanh từng phút, ấm từng giây”.

Đối với những gia đình đơn thân, khi những người bà, người mẹ phải đối mặt với nhiều khó khăn trong cuộc sống, ước mơ về một chiếc bình nước nóng trong mùa đông này để cho con, cho cháu sử dụng thật quá xa xỉ đối với họ. Việc được tặng bình nước nóng Sơn Hà không chỉ giúp cải thiện điều kiện sinh hoạt của các gia đình mà nó còn mang ý nghĩa về một mùa đông không lạnh, mong muốn gửi những yêu thương ấm áp tới các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn.

### Đồng hành cùng Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Sơn Hà tiếp tục đồng hành cùng Hội Chữ thập đỏ Thành phố Hà Nội trong nhiều chương trình theo kế hoạch thỏa thuận trước đó giữa công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam từ năm 2017.



Phần 5. Báo cáo phát triển bền vững

# Định hướng phát triển bền vững

#05

## Cam kết với các bên liên quan



### 01. CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Xây dựng đội ngũ vững mạnh, đảm bảo quyền lợi chính đáng và mang đến sự thỏa mãn, hài lòng của nhân viên về môi trường làm việc

### 02. CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Nỗ lực mang lại lợi ích cao và bền vững cho cổ đông thông qua hiệu quả kinh doanh; công bố thông tin một cách minh bạch và đầy đủ

### 03. NHÀ NƯỚC

Tuân thủ chính sách, quy định Nhà nước trong mọi hoạt động của Công ty; góp phần phát triển đất nước

### 04. KHÁCH HÀNG

Không ngừng nỗ lực để làm hài lòng khách hàng trên cơ sở cung cấp những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng hàng đầu; nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng (giải đáp thắc mắc trong vòng 24h)

### 05. ĐỐI TÁC

Thiết lập quan hệ với các đối tác trên cơ sở gắn kết, cùng phát triển

### 06. CỘNG ĐỒNG

Cải thiện kinh tế thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương; Tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, đóng góp cho xã hội và cộng đồng



## Phần 6

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo của Hội đồng quản trị	84
Báo cáo kiểm toán độc lập	89
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	90
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	94
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	95
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	97

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

## Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim Khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mười chín (19) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ mười chín (19) ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc tăng vốn điều lệ.

## Trụ sở chính

Địa chỉ	Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại	(024) 62 65 65 66
Fax	(024) 62 65 65 88

## Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hải Dương	Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Hải Dương 2	Thôn Đại Tân, xã Hoàng Tân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
3	Chi nhánh Phú Thọ	Khu 4 Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
4	Chi nhánh Ninh Bình	Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, P.Ninh Khánh, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5	Chi nhánh Ninh Bình 2	Xóm 3, Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
6	Chi nhánh Hà Nam	Tổ 11, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
7	Chi nhánh Xuân Mai	Km 30+ 200 Yên Kiện, Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
8	Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Phù Mã, xã Phù Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
9	Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
10	Chi nhánh Thái Nguyên 2	Số 809, đường Cách mạng tháng 8, tổ 9 P.Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
11	Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
12	Chi nhánh Quốc Oai	Thôn Đồng Lữ, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
13	Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
14	Chi nhánh Yên Bái	Tổ 2, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
15	Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
16	Chi nhánh Sơn La	Đường Lê Duẩn, tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
17	Chi nhánh Sơn La 2	Số nhà 18, Tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn Nông Trường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
18	Chi nhánh Hòa Bình	Km 4, phố Ngọc, xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
19	Chi nhánh Bắc Giang	Số nhà 83, thôn Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
20	Chi nhánh Bắc Giang 2	Thôn Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
21	Chi nhánh Bắc Giang 3	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
22	Chi nhánh Bắc Giang 4	Khu công nghiệp Dĩnh Kế, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
23	Chi nhánh Thái Bình	Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
24	Chi nhánh Thái Bình 2	Thôn Trình Trung Đông, xã Anh Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
25	Chi nhánh Bắc Ninh	Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
26	Chi nhánh Cao Bằng	Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
27	Chi nhánh Lạng Sơn	Tổ 4, khối 10, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
28	Chi nhánh Nam Định	Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
29	Chi nhánh Nam Định 2	Tổ 14. Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
30	Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
31	Chi nhánh Hưng Yên 2	Phường Thông, Phường chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
32	Chi nhánh Lào Cai	Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu Khu đô thị số 4, P. Bắc Cường, TP.Lào Cai, tỉnh Lào Cai
33	Chi nhánh Quảng Ninh	Số 71, Lô A KĐT mới Tuần Châu, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
34	Chi nhánh Quảng Ninh 2	Số 272 ô số 71 Lô A, KĐT mới đầu đường Tuần Châu, P. Hà Khẩu, TP Hạ Long, Quảng Ninh
35	Chi nhánh Điện Biên	Đội 7A, Hợp tác xã Pom Lót, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
36	Chi nhánh Phú Thọ 2	Khu 7, Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
37	Chi nhánh Hà Giang	Tổ 8, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
38	Chi nhánh Sơn Tây	Quốc lộ 21, thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
39	Chi nhánh Vĩnh Phúc 2	Phố Phú Lâm, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
40	Chi nhánh Lai Châu	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
41	Chi nhánh Bắc Kạn	Tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

# Báo cáo của Hội đồng Quản trị

## Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp; sản xuất các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán các sản phẩm thiết bị nhà bếp; mua bán các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;
- Sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung;
- Vệ sinh chung nhà cửa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; dịch vụ hành chính và văn phòng tổng hợp;
- Sản xuất sắt, thép, gang; đúc sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

## Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2020
Ông Phan Thế Ruệ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Vi Công Khanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Viết Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Khánh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Lê Vĩnh Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Bà Trịnh Thị Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Bà Trần Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2016
Ông Nguyễn Viết Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Báo cáo của Hội đồng Quản trị

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch HĐQT (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

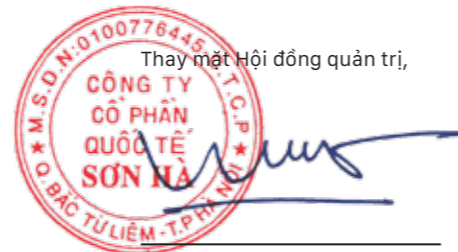
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Lê Vĩnh Sơn**  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Báo cáo kiểm toán độc lập

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 08 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

### Chi nhánh Hà Nội

CHI NHÁNH  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
A & C  
TẠI HÀ NỘI  
Q. Đống Đa - TP. Hà Nội



**Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

**Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963 -2020-008-1


 Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.992.504.911.924</b>	<b>2.563.546.927.483</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>142.416.314.443</b>	<b>181.020.914.065</b>
1. Tiền	111		141.916.314.443	181.020.914.065
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>89.462.580.000</b>	<b>44.153.148.050</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	89.462.580.000	44.153.148.050
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.615.043.647.801</b>	<b>1.275.217.044.154</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.329.319.087.486	1.059.366.984.349
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	100.139.578.185	92.623.551.385
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	53.835.900.000	91.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	139.057.469.887	31.531.576.775
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(8.844.931.357)	(9.426.548.464)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.536.543.600	9.621.480.108
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>1.050.771.377.815</b>	<b>1.003.049.411.676</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.052.548.599.632	1.004.647.501.427
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.777.221.817)	(1.598.089.751)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>94.810.991.865</b>	<b>60.106.409.538</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	11.712.534.005	15.187.430.015
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		81.795.956.094	40.759.875.896
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.302.501.766	4.159.103.627
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

 Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.068.731.264.392</b>	<b>965.976.419.739</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.785.756.401</b>	<b>892.832.545</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.581.158.634	1.688.234.778
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.7	(795.402.233)	(795.402.233)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>677.455.842.166</b>	<b>562.942.963.071</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	617.231.411.941	531.494.783.717
<i>Nguyên giá</i>	222		1.024.792.924.287	883.718.245.238
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(407.561.512.346)	(352.223.461.521)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	43.349.473.749	15.506.716.488
<i>Nguyên giá</i>	225		50.166.101.021	17.656.015.397
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		(6.816.627.272)	(2.149.298.909)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	16.874.956.476	15.941.462.866
<i>Nguyên giá</i>	228		25.566.485.686	23.576.679.275
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(8.691.529.210)	(7.635.216.409)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>113.066.819.950</b>	<b>235.134.396.996</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	113.066.819.950	235.134.396.996
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>101.911.821.664</b>	<b>79.807.312.333</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	80.331.821.664	71.227.312.333
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.710.000.000	2.710.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	18.870.000.000	5.870.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>172.511.024.211</b>	<b>87.198.914.794</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	167.097.872.968	81.072.647.311
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	5.413.151.243	6.126.267.483
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.061.236.176.316</b>	<b>3.529.523.347.222</b>

Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.786.495.466.541</b>	<b>2.413.253.334.268</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.558.534.825.963</b>	<b>2.108.424.067.258</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	243.519.689.407	251.065.969.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	14.163.952.411	10.322.738.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	28.207.377.800	16.890.679.617
4. Phải trả người lao động	314		35.763.507.970	27.841.932.055
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	16.565.730.069	35.169.691.169
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	2.898.190.911
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	235.539.630.366	157.009.199.847
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.969.900.495.908	1.593.321.796.562
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	14.874.442.032	13.903.869.097
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	V.22b	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>227.960.640.578</b>	<b>304.829.267.010</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	744.522.866	710.330.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	227.216.117.712	304.118.936.510
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.274.740.709.775</b>	<b>1.116.270.012.954</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>1.274.740.709.775</b>	<b>1.116.270.012.954</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		870.881.810.000	853.873.370.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		870.881.810.000	853.873.370.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.771.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		35.159.000.000	35.159.000.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.665.791.015)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.975.682.792	27.222.553.561
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		209.828.408	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		200.078.761.975	199.168.744.159
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		101.122.583.142	199.168.744.159
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		98.956.178.833	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		186.194.643.235	52.804.570.854
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.061.236.176.316</b>	<b>3.529.523.347.222</b>

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

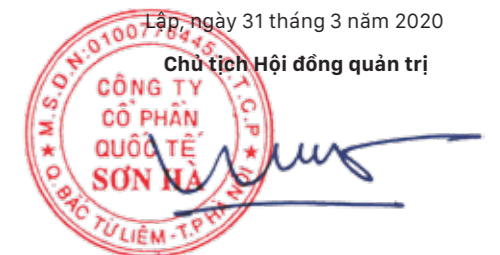
Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn



Phần 6. Báo cáo tài chính

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.009.897.373.159	4.658.360.150.402
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	202.801.267.709	172.437.159.196
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.807.096.105.450	4.485.922.991.206
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.124.748.678.221	3.903.055.648.711
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		682.347.427.229	582.867.342.495
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.656.940.568	27.601.760.882
Chi phí tài chính	22	VI.5	144.335.404.061	128.564.555.130
Trong đó: chi phí lãi vay	23		134.075.712.491	112.918.878.256
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.895.490.669)	(4.117.023.379)
Chi phí bán hàng	25	VI.6	295.606.442.542	233.300.093.832
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	121.871.055.196	116.303.232.955
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		133.295.975.329	128.184.198.081
Thu nhập khác	31	VI.8	13.692.138.955	7.953.216.907
Chi phí khác	32	VI.9	7.059.428.928	7.815.573.487
Lợi nhuận khác	40		6.632.710.027	137.643.420
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		139.928.685.356	128.321.841.501
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	34.180.335.974	20.188.154.507
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>105.748.349.382</b>	<b>108.133.686.994</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</b>	<b>61</b>		<b>98.956.178.833</b>	<b>103.108.452.251</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>62</b>		<b>6.792.170.549</b>	<b>5.025.234.743</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>1.136</b>	<b>1.387</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.10</b>	<b>1.136</b>	<b>1.387</b>

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vĩnh Sơn

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>139.928.685.356</b>	128.321.841.501
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		71.142.709.475	58.635.949.599
Các khoản dự phòng	3		(402.485.041)	580.949.050
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	VI.5	389.809.274	(333.266.510)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(7.106.853.675)	(19.720.826.584)
Chi phí lãi vay	6	VI.5	134.075.712.491	112.918.878.256
Các khoản điều chỉnh khác	7		196.625.000	196.625.000
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>338.224.202.880</b>	<b>280.600.150.312</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(377.401.374.832)	(247.208.414.304)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(47.901.098.205)	(24.323.145.419)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		115.494.123.470	224.516.500.613
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(82.416.716.997)	10.658.359.139
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(133.195.757.200)	(113.551.933.032)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.17	(20.440.749.104)	(29.992.084.983)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	100.472.301	362.806.440
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(2.295.907.139)	(1.740.195.391)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(209.832.804.827)</b>	<b>99.322.043.375</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.594.217.871)	(209.270.958.103)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.235.186.698	2.880.249.114
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(311.218.991.950)	(123.853.148.050)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		252.909.560.000	74.970.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(11.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.702.670.100	22.175.702.746
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(91.965.793.023)</b>	<b>(233.098.154.293)</b>

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	3.837.387.376.479	3.952.815.660.801
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(3.565.821.336.775)	(3.750.704.498.754)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(7.955.012.578)	(4.323.532.117)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>263.611.027.126</b>	<b>197.787.629.930</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(38.187.570.724)</b>	<b>64.011.519.012</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>181.020.914.065</b>	<b>117.082.644.677</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(417.028.898)	(73.249.624)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>142.416.314.443</b>	<b>181.020.914.065</b>

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vinh Sơn

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, bình năng lượng Thái dương năng, bình nóng lạnh, máy lọc nước, máy hút mùi, ống công nghiệp, ống trang trí.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 15 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

##### Thành lập công ty con

Trong năm, Tập đoàn đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà với tỷ lệ góp vốn là 60% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà là phát triển lĩnh vực sản xuất nước thương mại.

##### Giải thể công ty con

Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà chấm dứt hoạt động và điều chuyển vốn về Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo quyết định số 216/2019/QĐ-SH ngày 07 tháng 11 năm 2019 và thực hiện bàn giao tài sản, công nợ cho Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

##### Tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã ban hành Nghị quyết số 13/2019/NQ-SHI phê duyệt đề án tái cấu trúc Tập đoàn Sơn Hà giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2030. Theo Nghị quyết này, Hội đồng quản trị phê duyệt phương án tái cấu trúc khối ngành Gia dụng của Tập đoàn Sơn Hà, lấy Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ làm hạt nhân và sắp xếp, tổ chức lại các công ty thành viên cùng khối ngành. Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (gọi tắt là Sơn Hà) góp vốn vào Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ thông qua việc chuyển toàn bộ vốn góp của Sơn Hà tại 03 Công ty: Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An, Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà về Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ. Sau quá trình tái cấu trúc, 03 Công ty này trở thành Công ty con 100% vốn sở hữu bởi Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2019 đổi tên là Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ).

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp						
TT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
4	Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương Năng	51,59%	51,59%	51,59%
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	51%
6	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	69%	75,74%	69%
7	Sonha Myanmar International Limited	No.33/B Damaryone Str., Ward No.15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%	52,5%	52,5%
8	Công ty CP Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ (*)	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	99,78%	74,34%
9	Công ty CP Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%

(\*) Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 01 năm 2020 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ, các cổ động mới bắt đầu được thực hiện quyền cổ đông bao gồm được chia cổ tức và các quyền khác kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, do vậy tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 99,78%.

Công ty con gián tiếp						
TT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	99,78%	74,34%
2	Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	99,79%	74,34%
3	Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	99,79%	74,34%
4	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	99,79%	74,34%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	51%	51%
3	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	26,01%	51%

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

#### Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu

TT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	20,13%	20,13%	20,13%
2	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,15%	20,15%	20,15%
3	Công ty Cổ phần Sơn Hà – Wegen	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, bán lẻ	50%	50%	50%

### 5a. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam, có địa chỉ tại Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Công ty này do TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh sở hữu 42% vốn điều lệ, tỷ lệ lợi ích 47%. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn là 42% và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 46,9%. Công ty liên kết này chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 1.944 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.114 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

#### Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 10 năm.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### **Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.551.422.990	16.744.287.895
Tiền gửi ngân hàng	127.364.891.453	159.087.588.290
Tiền đang chuyển	-	5.189.037.880
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>142.416.314.443</b>	<b>181.020.914.065</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>89.462.580.000</b>	<b>44.153.148.050</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	89.462.580.000	44.153.148.050
<b>Dài hạn</b>	<b>18.870.000.000</b>	<b>5.870.000.000</b>
Trái phiếu	18.870.000.000	5.870.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.332.580.000</b>	<b>50.023.148.050</b>

(\*) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại có số dư là 41.300.000.000 VND.

#### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-
Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam	59.999.400.000	-	59.999.400.000	-	-	59.999.400.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	(784.360.536)	11.474.671.314	12.259.031.850	(1.031.119.517)	11.227.912.333
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	11.000.000.000	(2.142.249.650)	8.857.750.350	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>114.664.210.466</b>	<b>(34.332.388.802)</b>	<b>80.331.821.664</b>	<b>43.664.810.466</b>	<b>(32.436.898.133)</b>	<b>71.227.312.333</b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	Cộng
Số đầu năm	59.999.400.000	11.227.912.333	-	71.227.312.333
Tăng do góp vốn	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Lãi lỗ công ty liên kết	-	1.008.916.941	(2.142.249.650)	(1.133.332.709)
Chi trả cổ tức	-	(523.569.745)	-	(523.569.745)
Giảm do công ty liên kết trích lập quỹ	-	(238.588.215)	-	(238.588.215)
<b>Số cuối năm</b>	<b>59.999.400.000</b>	<b>11.474.671.314</b>	<b>8.857.750.350</b>	<b>80.331.821.664</b>

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen</b>		
Góp vốn bằng tiền vào Sơn Hà - Wegen	11.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ cho Sơn Hà - Wegen	122.798.994	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà</b>		
Lãi cho Thương mại Tổng hợp Sơn Hà vay	-	1.969.558.000
Thương mại Tổng hợp Sơn Hà trả gốc vay	-	55.009.790.665

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào 271.000 cổ phiếu của Công ty Bất động sản Havico.

### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>19.533.828.382</b>	<b>21.288.586.444</b>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	13.651.238.634	13.862.062.260
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam (trước là Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam)	563.841	-
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	1.012.637.026	3.022.575.457
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại tổng hợp Sơn Hà	4.384.588.727	4.403.948.727
Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn - Chu Lai	232.942.347	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	132.778.000	-
Công ty Cổ Phần Sơn Hà - Wegen	119.079.807	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>1.309.785.259.104</b>	<b>1.038.078.397.905</b>
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	149.152.612.352	139.857.837.381
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	156.644.890.533	144.412.159.501
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	157.640.112.031	115.477.198.883
Công ty TNHH Thương mại và Đầu Tư Phát Triển Thiên Phú	85.724.113.913	5.501.263.142
Các khách hàng khác	760.623.530.275	632.829.938.998
<b>Cộng</b>	<b>1.329.319.087.486</b>	<b>1.059.366.984.349</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Công Hà	-	15.482.858.456
NK_NINGBO NINGSHING TRADING GROU INC	66.527.326	15.638.433.868
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Hòa Phú	1.563.015	9.003.813.501
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HTĐT Tuấn Linh	297.935.374	9.235.500.000
Công ty TNHH Thương mại Và Sản Xuất Chấn Hưng (*)	50.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	49.773.552.470	43.262.945.560
<b>Cộng</b>	<b>100.139.578.185</b>	<b>92.623.551.385</b>

(\*) Là khoản trả trước theo Hợp đồng số 03/2019/TMC-CH ngày 01 tháng 12 năm 2019 được ký kết giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng. Theo Hợp đồng này, Công ty sẽ thanh toán trước cho bên bán 50.000.000.000 VND ngay sau khi ký Hợp đồng. Số tiền đặt cọc này sẽ được trừ dần vào mỗi lần giao hàng. Ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển tiền ứng trước theo Hợp đồng này.

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đại lý Nguyễn Thị Mai (Nam Hồng) Hà Nam	10.000.000.000	17.000.000.000
Đại lý Lê Văn Kiên - Hà Nội	-	14.000.000.000
Đại lý Nguyễn Thị Khuyên Luyện - Văn Giang Hưng Yên	9.500.000.000	16.000.000.000
Đại lý Đinh Duy Tuấn - Hà Nội	15.000.000.000	19.000.000.000
Đại lý Lê Bích Thủy - Lào Cai	8.000.000.000	15.500.000.000
Đại lý Vũ Trung Kiên - Thái Bình	-	10.000.000.000
Ông Vũ Mạnh Rinh	11.335.900.000	-
<b>Cộng</b>	<b>53.835.900.000</b>	<b>91.500.000.000</b>

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 6. Phải thu ngắn khác

#### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.173.017.936</b>		<b>2.655.720</b>	
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	119.970		119.970	
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000		-	
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam - Tiền thuê xe, tiền lãi dự thu	502.488.849		-	
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	617.414.367		-	
Cá nhân có liên quan	2.535.750		2.535.750	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>137.884.451.951</b>		<b>31.528.921.055</b>	
Ông Ngô Duy Sáng - tạm ứng	-		3.000.000.000	
Ông Lê Văn Tấn	284.548.088		2.016.300.000	
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000		-	
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000		-	
Lưu Quốc Bảo - tạm ứng mua hàng	2.994.384.000		-	
Bà Phạm Thị Quỳnh Hoa - Phải thu tiền chuyển nhượng công ty	-		2.000.000.000	
Tạm ứng của cá nhân khác	6.766.352.769		6.604.029.035	
Ký cược, ký quỹ	7.550.810.407		6.474.051.311	
Ký quỹ Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc (*)	35.000.000.000		-	
Ông Nguyễn Trọng Minh (**)	35.000.000.000		-	
Phải thu nhân viên kinh doanh	6.063.658.602		-	
Lãi cho vay	123.583.562		567.050.227	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	43.029.114.523		10.867.490.482	
<b>Cộng</b>	<b>139.057.469.887</b>		<b>31.531.576.775</b>	

(\*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2019/T-MC-MN ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc. Theo Hợp đồng này, Công ty đặt cọc khoản tiền 35.000.000.000 VND để đảm bảo giữ chỗ quyền mua lô đất có diện tích 3ha thuộc dự án "Xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm" nằm trong khu đất Dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội mà Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc là đồng chủ đầu tư dự án. Thời gian đặt cọc là 180 ngày. Ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển tiền đặt cọc theo Hợp đồng này

(\*\*) Là số tiền ứng 50% theo Hợp đồng khoán việc số 05/2019/HĐKV-SHK ngày 15 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà với ông Nguyễn Trọng Minh. Theo Hợp đồng này Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà giao cho ông Minh kiểm tra, đàm phán ký hợp đồng mua và hoàn tất các thủ tục để Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà sở hữu lô đất có diện tích 14.303 m2 (theo Giấy phép xây dựng do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk cấp năm 2017) tại Khu công nghiệp HòaPhú.

### 6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	3.785.756.401	-	871.904.885	-
Lê Trần Trọng Thái	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	20.927.660	-
<b>Cộng</b>	<b>4.581.158.634</b>	<b>(795.402.233)</b>	<b>1.688.234.778</b>	<b>(795.402.233)</b>

### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Tổng công ty Viglacera		-	-	2 năm đến dưới 3 năm	1.355.200.000	(1.355.200.000)
Các đối tượng khác	trên 3 năm	4.520.902.134	(4.208.078.722)	trên 3 năm	3.535.194.783	(3.434.495.829)
<b>Cộng</b>		<b>9.953.157.002</b>	<b>(9.640.333.590)</b>		<b>10.322.649.651</b>	<b>(10.221.950.697)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	9.426.548.464	795.402.233	10.221.950.697
Trích lập dự phòng bổ sung	773.582.893	-	773.582.893
Hoàn nhập dự phòng	(1.355.200.000)	-	(1.355.200.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.844.931.357</b>	<b>795.402.233</b>	<b>9.640.333.590</b>

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	71.877.702.089	-	87.107.809.215	-
Nguyên liệu, vật liệu	449.528.332.006	(966.553.144)	373.175.310.351	(745.077.201)
Công cụ, dụng cụ	13.018.863.818	-	12.252.655.375	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.635.599.425	-	7.846.072.936	-
Thành phẩm	187.432.265.987	(810.668.673)	258.604.823.927	(853.012.550)
Hàng hóa	325.920.755.325	-	265.289.515.656	-
Hàng gửi bán	135.080.982	-	371.313.967	-
<b>Cộng</b>	<b>1.052.548.599.632</b>	<b>(1.777.221.817)</b>	<b>1.004.647.501.427</b>	<b>(1.598.089.751)</b>

Giá trị hàng tồn kho theo sổ sách dùng để chấp để bảo đảm cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 359.428.585.324 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.598.089.751	2.388.780.451
Trích lập dự phòng bổ sung	1.011.167.699	-
Hoàn nhập dự phòng	(832.035.633)	(790.690.700)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.777.221.817</b>	<b>1.598.089.751</b>

### 9. Chi phí trả trước

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	606.913.055	333.988.536
Công cụ dụng cụ	2.454.983.069	3.596.917.954
Chi phí quảng cáo	645.314.758	1.833.116.867
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	4.013.542.149	4.247.829.870
Chi phí hàng nhập khẩu	262.538.846	1.726.322.403
Chi phí sửa chữa cải tạo	324.359.780	583.548.028
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.404.882.349	2.865.706.357
<b>Cộng</b>	<b>11.712.534.005</b>	<b>15.187.430.015</b>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	16.735.105.813	14.335.189.909
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	2.549.879.236	1.084.521.415
Chi phí thuê đất (*)	51.182.471.462	53.308.172.330
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	4.198.709.039	4.525.732.736
Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng	3.590.707.887	5.394.450.453
Chi phí quảng cáo	29.007.014	332.867.293
Showroom	86.452.610.000	-
Chi phí đào tạo	-	316.839.935
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.359.382.517	1.774.873.239
<b>Cộng</b>	<b>167.097.872.968</b>	<b>81.072.647.311</b>

(\*) Chi phí thuê đất là quyền sử dụng 02 lô đất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà được sử dụng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Nhà cửa vật liệu kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tài, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	259.272.663.202	493.112.259.276	118.862.982.746	12.470.340.014	883.718.245.238
Mua trong năm	5.564.641.114	13.724.172.943	9.821.066.008	881.803.031	29.991.683.096
Đầu tư XDCB hoàn thành	36.832.376.693	73.556.396.812	19.586.490.169	170.844.097	130.146.107.771
Thanh lý, nhượng bán	(253.832.903)	(7.378.984.100)	(8.437.955.094)	-	(16.070.772.097)
Phân loại lại sang Chi phí trả trước dài hạn	-	(198.136.287)	-	-	(198.136.287)
Phân loại lại	56.322.635.011	(63.161.628.832)	5.647.487.357	1.191.506.464	-
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	(1.183.657.824)	(1.292.711.854)	(64.515.000)	(253.318.756)	(2.794.203.434)
<b>Số cuối năm</b>	<b>356.554.825.292</b>	<b>508.361.367.959</b>	<b>145.415.556.186</b>	<b>14.461.174.850</b>	<b>1.024.792.924.287</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	6.229.628.004	51.154.317.469	7.610.402.347	7.302.436.558	72.296.784.378
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	50.594.450.428	249.471.344.188	44.471.794.398	7.685.872.507	352.223.461.521
Khấu hao trong năm	12.212.681.798	39.893.512.545	11.692.019.158	1.507.987.713	65.306.201.214
Thanh lý, nhượng bán	(9.060.012)	(5.350.492.908)	(4.219.173.388)	-	(9.578.726.308)
Phân loại lại sang Chi phí trả trước dài hạn	-	(64.523.637)	-	-	(64.523.637)
Phân loại lại	5.173.313.190	(6.768.682.519)	1.434.973.541	160.395.788	-
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	(167.648.999)	(128.823.634)	(8.909.733)	(19.518.078)	(324.900.444)
<b>Số cuối năm</b>	<b>67.803.736.405</b>	<b>277.052.334.035</b>	<b>53.370.703.975</b>	<b>9.334.737.930</b>	<b>407.561.512.346</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	208.678.212.774	243.640.915.088	74.391.188.348	4.784.467.507	531.494.783.717
<b>Số cuối năm</b>	<b>288.751.088.887</b>	<b>231.309.033.924</b>	<b>92.044.852.211</b>	<b>5.126.436.920</b>	<b>617.231.411.941</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 250.433.555.680 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại.

## 11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tài, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	6.005.988.211	11.650.027.186	17.656.015.397
Thuê tài chính trong năm	16.602.240.542	16.649.663.264	33.251.903.806
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(741.818.182)	(741.818.182)
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.608.228.753</b>	<b>27.557.872.268</b>	<b>50.166.101.021</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>			
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	197.236.754	1.952.062.155	2.149.298.909
Khấu hao trong năm	2.449.594.139	2.329.006.966	4.778.601.105
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(111.272.742)	(111.272.742)
Phân loại lại	14.046.667	(14.046.667)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.660.877.560</b>	<b>4.155.749.712</b>	<b>6.816.627.272</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5.808.751.457	9.697.965.031	15.506.716.488
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.947.351.193</b>	<b>23.402.122.556</b>	<b>43.349.473.749</b>

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	19.094.043.597	4.482.635.678	23.576.679.275
Mua trong năm	-	2.004.703.511	2.004.703.511
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(14.897.100)	(14.897.100)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.094.043.597</b>	<b>6.472.442.089</b>	<b>25.566.485.686</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	231.401.690	3.143.839.278	3.375.240.968
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	4.243.738.126	3.391.478.283	7.635.216.409
Khấu hao trong năm	539.242.944	518.664.212	1.057.907.156
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(1.594.355)	(1.594.355)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.782.981.070</b>	<b>3.908.548.140</b>	<b>8.691.529.210</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	14.850.305.471	1.091.157.395	15.941.462.866
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.311.062.527</b>	<b>2.563.893.949</b>	<b>16.874.956.476</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tạm thời không sử dụng</i>			

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.981.386.492 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng Tài sản cố định	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	235.134.396.996	136.751.559.916	(130.146.107.771)	(98.312.548.864)	(30.360.480.327)	113.066.819.950
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm	4.750.000.000	-	-	-	-	4.750.000.000
Dự án xây dựng Showroom	77.657.365.342	36.563.912.293	-	(97.947.551.671)	(16.273.725.964)	-
Dự án Sơn Hà Bắc Ninh SHB+SHK	6.844.307.775	630.105.196	-	-	(7.474.412.971)	-
Dự án nước Hà Đông	135.463.519.100	38.905.831.925	(124.250.694.614)	(55.011.455)	-	50.063.644.956
Dự án Văn Cón, An Thượng	2.092.385.166	40.318.863.511	-	-	-	42.411.248.677
Xây dựng cơ bản ở Nhà máy Bắc Ninh	4.995.506.178	509.761.818	(5.505.267.996)	-	-	-
Dự án khác	3.331.313.435	19.823.085.173	(390.145.161)	(309.985.738)	(6.612.341.392)	15.841.926.317
<b>Cộng</b>	235.134.396.996	136.751.559.916	(130.146.107.771)	(98.312.548.864)	(30.360.480.327)	113.066.819.950

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 92.474.893.633 VND, để đảm bảo cho các khoản phát hành trái phiếu.

Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## 14. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.126.267.483	1.375.528.056
Phát sinh trong năm	-	5.463.855.667
Số phân bổ trong năm	(713.116.240)	(713.116.240)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.413.151.243</b>	<b>6.126.267.483</b>

## 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>5.526.394.275</b>	<b>5.447.006.387</b>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	5.495.820.836	5.416.432.948
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	30.573.439
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>237.993.295.132</b>	<b>245.618.962.787</b>
Công ty TNHH POSCO VST	60.929.615.546	62.814.780.436
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	16.830.525.121	6.212.711.980
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	8.920.840.598	1.006.381.343
Hyosung Corporation Cheongdam	-	27.338.099.946
Công ty TNHH Một thành viên Nước Sạch Hà Đông	11.685.919.511	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	14.560.008.903	-
Các nhà cung cấp khác	125.066.385.453	148.246.989.082
<b>Cộng</b>	<b>243.519.689.407</b>	<b>251.065.969.174</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
XK_DEPO BANGUNAN (Indonesia)	1.323.146.710	-
Các khách hàng khác	12.840.805.701	10.322.738.826
<b>Cộng</b>	<b>14.163.952.411</b>	<b>10.322.738.826</b>

## 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Tăng giảm do hợp nhất	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.163.560.862	-	52.472.146.283	(52.810.517.196)	(25.673.689)	17.978.935
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	130.947.418.045	(130.947.418.045)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	762.261.870	2.465.706.101	(2.057.822.465)	20.905.295	333.472.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.614.220.800	3.095.460.725	34.180.335.974	(20.440.749.104)	-	718.098.471
Thuế thu nhập cá nhân	980.741.470	5.212.031	6.877.385.629	(6.669.694.045)	(7.217.538)	138.930.571
Thuế tài nguyên	-	-	684.181.279	(591.683.479)	-	-
Tiền thuế đất	-	293.169.001	2.219.044.151	(2.016.896.000)	-	91.020.850
Các loại thuế khác	-	-	195.646.070	(195.646.070)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	132.156.485	3.000.000	163.783.939	(289.543.939)	(391.152)	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.890.679.617</b>	<b>4.159.103.627</b>	<b>230.205.647.471</b>	<b>(216.019.970.343)</b>	<b>(12.377.084)</b>	<b>1.302.501.766</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

### Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An đang được hưởng ưu đãi với thuế suất ưu đãi là 10%.

Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50 % số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Tiền thuế đất

Công ty phải nộp tiền thuế đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m2 đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với đơn giá 11.567 VND/m2; diện tích 44.800 m2 tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m2.

### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương tháng 13	-	10.189.070.807
Tiền lương phép phải trả	1.115.687.971	-
Chi phí lãi vay phải trả	3.121.493.039	2.241.537.748
Phải trả các khoản thưởng Nhà phân phối	1.070.660.862	13.574.686.162
Chi phí hàng khuyến mại	1.635.754.743	986.388.083
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn dự án	568.476.888	1.654.391.814
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	9.053.656.566	6.523.616.555
<b>Cộng</b>	<b>16.565.730.069</b>	<b>35.169.691.169</b>

### 19. Phải trả khác

#### 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.483.504.530	1.674.901.988
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	83.753.607	557.507.694
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	370.773.264	363.773.264
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	53.910.140.631	48.124.544.703
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	166.012.622.681	67.720.392.350
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	-	21.856.463.635
Đặt cọc dự án nước Vân Cồn An Thượng	8.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.676.854.652	9.711.616.213
<b>Cộng</b>	<b>235.539.630.366</b>	<b>157.009.199.847</b>

#### 19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

### 20. Vay và nợ thuê tài chính

#### 20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.969.900.495.908</b>	<b>1.593.321.796.562</b>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>1.852.265.915.764</b>	<b>1.484.543.748.690</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	677.753.094.035	792.408.423.199
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (ii)	565.863.855.674	433.133.628.998
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yangon (iii)	3.574.473.300	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	119.960.588.554	95.236.411.249
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (v)	55.467.030.020	77.729.742.339
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (vi)	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (vii)	23.764.077.977	10.352.394.895
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (viii)	99.759.291.050	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (ix)	29.588.553.400	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (x)	111.985.745.764	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (xi)	129.638.460.503	34.738.353.514
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính (xii)	-	29.776.509.621
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (xiii)	-	11.168.284.875
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm (xiv)	14.227.699.377	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội (xv)	20.683.046.110	-
<b>Vay ngắn hạn các cá nhân</b>	<b>785.000.000</b>	<b>440.000.000</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b> (xem thuyết minh số V.20b)	<b>83.035.472.300</b>	<b>82.474.726.027</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	6.074.917.717	52.762.285.128
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	-	1.291.040.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa	1.162.782.272	3.238.178.256
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây)	60.000.000.000	3.908.520.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	5.794.155.061	9.106.960.643
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	3.066.528.000	2.984.028.000
Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An	984.000.000	984.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	5.700.000.000	5.700.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	253.089.250	2.499.714.000
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b> (xem thuyết minh số V.20b)	<b>11.814.107.844</b>	<b>3.863.321.845</b>
<b>Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả</b> (xem thuyết minh số V.20b)	<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.969.900.495.908</b>	<b>1.593.321.796.562</b>



## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (i) Các khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2018/147831 ngày 24 tháng 7 năm 2018 với tổng hạn mức tín dụng 780.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/147831 ngày 24 tháng 7 năm 2018 với tổng hạn mức tín dụng 520.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (iv) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 180123/NHNTHD ngày 12 tháng 12 năm 2018 với hạn mức 80.000.000.000 VND, mục đích tài trợ tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị của công ty.
- (x) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 26136.19.086.588663.TD ngày 08 tháng 5 năm 2019 với hạn mức 200.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay trong năm từ 6,40%/năm đến 7,00%/năm, thời hạn vay 06 tháng cụ thể theo từng Giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo là các giấy tờ có giá và các bất động sản của công ty.
- (xiv) Các khoản vay theo Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh khoản ngày 26 và 30 tháng 12 năm 2019 với hạn mức tối ưu thanh khoản tối đa bằng 95% tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để bảo đảm cho hạn mức tối ưu thanh khoản tại thời điểm xác định hạn mức tối ưu thanh khoản, lãi suất 9,00%/năm, thời hạn vay 12 tháng, tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.
- (xv) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 479/2019/HDTD/PHG/01 ngày 05 tháng 12 năm 2019 với hạn mức 100.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay trong năm 6,80%/năm đến 7,00%/năm, thời hạn vay 6 tháng, khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (iix) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-SONHA ngày 28 tháng 01 năm 2019 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.

### Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên SSP Việt Nam

- (xi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng số 23191.19.058.2475643 ngày 26/6/2019 với hạn mức cho vay là 180.000.000.000 VND, thời hạn không quá 6 tháng, mục đích phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh ống thép Inox. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho luân chuyển TP ống thép tại kho Nhà máy Phùng.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/7989546/HDTD ngày 22/05/2019 hạn mức 230.000.000.000 VND mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp bằng tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 1.551.604.408 VND (tại thời điểm 01/01/2019 là 5.147.422.834 VND) và nguyên vật liệu, bán thành phẩm tại thời điểm thế chấp là 142.408.596.738 VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- Chi nhánh Hoài Đức theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7989546/HDTD ngày 16/05/2019 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm chung bằng tài sản là nguyên vật liệu, bán thành phẩm đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh theo Hợp đồng số 19.62.001/2019-HĐCV HM/N-HCT264-SON HA SSP với tổng hạn mức 32.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm như ống thép inox. Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng bằng Hợp đồng tiền gửi ngân hàng của Công ty là 8.000.0000.000 VND.
- (xv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng vay số 94/2019/HDTD/TTKD KM/01 với tổng hạn mức là 50.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm như ống thép inox. Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

### Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/7696459/HĐTD ngày 30 tháng 7 năm 2018 với hạn mức 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 7 năm 2019.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT440-SONHANGHEAN ngày 22 tháng 07 năm 2019 với hạn mức 25.000.000.000 VND để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 22 tháng 07 năm 2020. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là một số ô tô của đơn vị.

### Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 084K17 ngày 07 tháng 12 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng.

Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà xưởng Bình Dương 1 theo Hợp đồng thế chấp số 214TC17 ngày 11 tháng 10 năm 2017 và cầm cố tài sản là Tài khoản tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 215TC17 ngày 11 tháng 10 năm 2017.

### Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung

- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT440-TOANMY, hạn mức tín dụng 15.000.000.000 duy trì từ 03/05/2019 đến hết 03/05/2020, bao gồm cả khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng cho vay hạn mức 06/2018/HĐCVHM/NHCT440-TOANMYMT ngày 10/04/2018. Khoản vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, với lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Tài sản đảm bảo là các nhà xưởng, máy móc thiết bị và xe cơ giới.

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	1.484.543.748.690	440.000.000	82.474.726.027	3.863.321.845	22.000.000.000	1.593.321.796.562
Tiền vay phát sinh trong năm	3.821.749.230.914	3.516.000.000	-	-	-	3.825.265.230.914
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	82.969.169.679	11.814.107.832	22.000.000.000	116.783.277.511
Chênh lệch tỷ giá	(880.193.731)	-	-	-	-	(880.193.731)
Tiền vay đã trả trong năm	(3.453.146.870.109)	(3.171.000.000)	(82.408.423.406)	(3.863.321.833)	(22.000.000.000)	(3.564.589.615.348)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.852.265.915.764</b>	<b>785.000.000</b>	<b>83.035.472.300</b>	<b>11.814.107.844</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>1.969.900.495.908</b>

### 20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>227.216.117.712</b>	<b>304.118.936.510</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>174.749.094.733</b>	<b>251.321.707.547</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	-	5.780.939.530
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	506.178.500
Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An (i)	2.214.000.000	3.198.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	54.020.953.879	59.720.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (iii)	28.109.951.778	25.082.827.601
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) (iv)	87.999.153.530	47.697.990.779
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (v)	2.259.102.946	109.334.817.258
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (vi)	145.932.600	-
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>30.860.272.979</b>	<b>9.387.103.963</b>
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	627.337.988	1.811.941.988
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.719.014.000	5.716.944.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội	22.513.920.991	1.858.217.975
<b>Trái phiếu thường dài hạn</b>	<b>21.606.750.000</b>	<b>43.410.125.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (vii)	21.606.750.000	43.410.125.000
<b>Cộng</b>	<b>227.216.117.712</b>	<b>304.118.936.510</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (v) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2014 với mục đích đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- (ii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây: Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư 85/17/KHD-N/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông.
- (iii) Khoản vay theo hợp đồng số 62/2017 ngày 29 tháng 12 năm 2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án "Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn - An Thượng", dư nợ vay tối đa 57.513.000.000 VND và không vượt quá 62,5% tổng mức đầu tư của dự án, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án hợp tác đầu tư.
- (vii) Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với năm hạn 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho năm tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các năm tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND năm hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm. Mục đích phát hành là để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An; 2.525.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn, 2.175.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Hoàng Hà (xem thuyết minh số VIII.1a).

### Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam

- (v) Bao gồm 2 hợp đồng vay:
- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7989546/HĐTD ngày 18/10/2019 mục đích mua sắm tài sản cố định là 2 xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 2.114.252.500 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/7989546/HĐTD ngày 5/12/2019 mục đích mua sắm tài sản, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay.
- (vi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 18024.16.058.2475643.TD, mục đích để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải mới phục vụ 100% nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay đối với phương tiện vận tải là tối đa 60 tháng, đối với máy móc thiết bị là tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 6.116.500.744 VND (tại thời điểm 01/01/2019 là 5.815.823.795 VND).
- Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh**
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng số 01/2017/8799911/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2017, mục đích vay để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành II, tỉnh Bắc Ninh, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng số 01/2017/9309762/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2017, mục đích để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị nhà bếp tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

### Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/N-HCT440-TOANMY ngày 31/01/2018 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Cải tạo và xây dựng xưởng sản xuất, nhà ăn, mua máy móc thiết bị của nhà máy Toàn Mỹ, thời gian vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành tài sản trong tương lai của Nhà máy.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	257.784.567.033	83.035.472.300	127.684.301.076	47.064.793.657
Nợ thuê tài chính	42.674.380.823	11.814.107.844	30.860.272.979	-
Trái phiếu thường	43.606.750.000	22.000.000.000	21.606.750.000	-
<b>Cộng</b>	<b>344.065.697.856</b>	<b>116.849.580.144</b>	<b>180.151.324.055</b>	<b>47.064.793.657</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	333.796.433.574	82.474.726.027	251.321.707.547	-
Nợ thuê tài chính	13.250.425.818	3.863.321.855	9.387.103.963	-
Trái phiếu thường	65.410.125.000	22.000.000.000	43.410.125.000	-
<b>Cộng</b>	<b>412.456.984.392</b>	<b>108.338.047.882</b>	<b>304.118.936.510</b>	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Trái phiếu thường	Cộng
Số đầu năm	251.321.707.547	9.387.103.963	43.410.125.000	304.118.936.510
Số tiền vay phát sinh trong năm	11.491.600.125	37.378.967.593	-	48.870.567.718
Số tiền vay đã trả trong năm	(5.095.043.260)	(4.091.690.745)	-	(9.186.734.005)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(82.969.169.679)	(11.814.107.832)	(22.000.000.000)	(116.783.277.511)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	-	196.625.000	196.625.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>174.749.094.733</b>	<b>30.860.272.979</b>	<b>21.606.750.000</b>	<b>227.216.117.712</b>

### 20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.903.869.097	9.536.632.664
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.697.018.315	4.721.945.858
Tăng do hợp nhất	-	1.022.679.526
Phân loại lại sang quỹ Đầu tư phát triển	(511.339.763)	
Tăng khác	80.801.522	362.806.440
Chi quỹ	(2.295.907.139)	(1.740.195.391)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.874.442.032</b>	<b>13.903.869.097</b>

Phần 6. Báo cáo tài chính      Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	642.324.060.000	16.061.097.352	-	(4.186.322.972)	-	18.303.367.281	-	214.063.147.046	30.338.053.794	916.903.402.501
Công ty con tăng vốn bằng lợi nhuận	-	-	35.159.000.000	-	-	-	-	(40.000.000.000)	4.841.000.000	-
Tăng vốn từ lợi nhuận	31.949.310.000	-	-	-	-	-	-	(31.949.310.000)	-	-
Góp vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	12.377.851.260	12.377.851.260
Tăng vốn để hoán đổi cổ phiếu	179.600.000.000	(59.268.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	120.332.000.000
Chi phí tư vấn hoán đổi cổ phiếu	-	(4.565.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(4.565.000.000)
Điều chỉnh tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	255.831.057	255.831.057
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	103.108.452.251	5.025.234.743	108.133.686.994
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	8.919.186.280	-	(13.641.132.138)	-	(4.721.945.858)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(31.956.773.000)	(33.400.000)	(31.990.173.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(455.640.000)	-	(455.640.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>853.873.370.000</b>	<b>(47.771.902.648)</b>	<b>35.159.000.000</b>	<b>(4.186.322.972)</b>	<b>-</b>	<b>27.222.553.561</b>	<b>-</b>	<b>199.168.744.159</b>	<b>52.804.570.854</b>	<b>1.116.270.012.954</b>
Số dư đầu năm nay	853.873.370.000	(47.771.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	-	27.222.553.561	-	199.168.744.159	52.804.570.854	1.116.270.012.954
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	98.956.178.833	6.792.170.549	105.748.349.382
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	17.008.440.000	-	-	-	-	-	-	(17.008.440.000)	-	-
Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	(135.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(135.000.000)
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	133.827.310.606	133.827.310.606
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	8.577.202.778	209.828.408	(12.259.172.646)	(224.876.855)	(3.697.018.315)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(549.991.553)	(70.220.447)	(620.212.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(68.054.781.600)	(7.443.500.000)	(75.498.281.600)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	(1.665.791.015)	-	-	-	-	(1.665.791.015)
Tăng/giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	175.926.453	-	(173.775.218)	509.188.528	511.339.763
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>870.881.810.000</b>	<b>(47.906.902.648)</b>	<b>35.159.000.000</b>	<b>(4.186.322.972)</b>	<b>(1.665.791.015)</b>	<b>35.975.682.792</b>	<b>209.828.408</b>	<b>200.078.761.975</b>	<b>186.194.643.235</b>	<b>1.274.740.709.775</b>

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Vĩnh Sơn	139.122.790.000	136.394.900.000
Ông Lê Hoàng Hà	16.227.920.000	85.285.220.000
Các cổ đông khác	715.531.100.000	632.193.250.000
<b>Cộng</b>	<b>870.881.810.000</b>	<b>853.873.370.000</b>

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	87.088.181	85.387.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	86.769.321	85.068.477
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	86.769.321	85.068.477

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt	68.054.781.600
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	17.008.440.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	5.155.422.613
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.062.169.045
Trích quỹ dự phòng tài chính	2.062.169.045
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	451.212.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	529.787,14	82.533,43

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.512.450.970.149	2.625.524.792.877
Doanh thu bán thành phẩm	2.436.777.760.051	1.974.356.859.993
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.063.196.059	58.478.497.532
Doanh thu hợp tác kinh doanh	6.605.446.900	-
<b>Cộng</b>	<b>5.009.897.373.159</b>	<b>4.658.360.150.402</b>

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Bán hàng và chiết khấu cho</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	7.600.677.883	13.319.030.380
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	211.105.102.610	280.109.033.594
Chiết khấu cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	5.879.118.028	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn trả lại hàng	43.023.326	-
Công ty Cổ Phần Sơn Hà - Wegen	71.592.647	-
<b>Cung cấp dịch vụ cho</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	80.941.669	83.155.280
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	314.000	316.698.267

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	170.818.438.861	154.780.287.563
Hàng bán bị trả lại	17.948.536.928	17.637.110.722
Giảm giá hàng bán	14.034.291.920	19.760.911
<b>Cộng</b>	<b>202.801.267.709</b>	<b>172.437.159.196</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.289.363.456.647	2.303.072.442.975
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.801.938.452.908	1.541.501.409.639
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.819.886.282	59.024.235.272
Giá vốn hợp tác kinh doanh	5.669.226.261	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(42.343.877)	(542.439.175)
<b>Cộng</b>	<b>4.124.748.678.221</b>	<b>3.903.055.648.711</b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.085.251.594	3.824.032.767
Lãi tiền cho vay	5.649.785.665	4.639.039.885
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.329.767.424	4.248.578.336
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	333.266.510
Cổ tức được chia	523.589.040	392.691.780
Chiết khấu thanh toán	1.668.000.000	231.253.199
Lãi thoái vốn công ty con	-	13.886.988.541
Doanh thu tài chính khác	399.969.709	45.909.864
<b>Cộng</b>	<b>14.656.363.432</b>	<b>27.601.760.882</b>

### 5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	134.046.262.567	112.918.878.256
Chiết khấu thanh toán	6.947.614.623	4.807.063.291
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.834.102.040	10.201.074.435
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	389.809.274	-
Chi phí tài chính khác	88.165.633	637.539.148
<b>Cộng</b>	<b>144.305.954.137</b>	<b>128.564.555.130</b>

### 6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	127.903.495.331	100.691.681.670
Chi phí vật liệu, bao bì	4.128.609.572	7.225.357.015
Chi phí dụng cụ, đồ dung	14.158.103.269	13.557.240.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.473.589.141	1.794.022.571
Chi phí bảo hành	16.489.417.712	8.952.953.367
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	24.938.064.128	6.774.931.734
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	42.520.844.221	45.741.482.528
Chi phí thuê showroom	11.494.941.672	-
Chi phí thuê kho	10.511.510.651	-
Các chi phí khác	39.987.866.845	48.562.424.935
<b>Cộng</b>	<b>295.606.442.542</b>	<b>233.300.093.832</b>

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	61.942.846.438	54.677.965.573
Chi phí vật liệu quản lý	1.267.799.177	616.245.276
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.609.876.110	6.240.309.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.487.892.504	5.905.592.286
Thuế, phí và lệ phí	555.004.145	2.959.197.412
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(581.617.107)	576.237.517
Chi phí thanh toán, mở LC	5.652.968.075	2.604.296.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.077.735.780	8.428.222.022
Các chi phí khác	38.858.550.074	34.295.167.245
<b>Cộng</b>	<b>121.871.055.196</b>	<b>116.303.232.955</b>

### 8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	5.085.634.552	756.956.878
Thanh lý tài sản	209.493.666	1.095.096.990
Truy thu ông Lê Văn Tấn	-	2.139.096.540
Phạt vi phạm hợp đồng	1.680.652.145	431.165.299
Xử lý công nợ	1.920.491.234	694.360.154
Thưởng sản lượng từ nhà cung cấp	1.021.782.745	-
Xử lý chênh lệch kiểm kê	875.215.357	-
Thu phạt người lao động	345.056.819	-
Thu nhập khác	2.553.812.437	2.836.541.046
<b>Cộng</b>	<b>13.692.138.955</b>	<b>7.953.216.907</b>

### 9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản	1.466.352.757	-
Lỗ thanh lý công cụ dụng cụ	387.037.852	4.559.323.573
Thuế bị phạt, bị truy thu	600.188.497	238.688.250
Chi phí thiệt hại do bão	-	366.753.084
Chi phí hoàn ứng không có hóa đơn, chứng từ	256.916.000	557.264.576
Phạt do vi phạm hợp đồng	279.956.659	-
Chi phí khác	4.068.977.163	2.093.544.004
<b>Cộng</b>	<b>7.059.428.928</b>	<b>7.815.573.487</b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	98.956.178.833	103.108.452.251
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	(549.991.553)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.456.987.044)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.956.178.833	99.101.473.654
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	87.088.181	71.462.186
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.136</b>	<b>1.387</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	87.088.181	64.232.406
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2018	-	3.194.931
Ảnh hưởng của việc hoán đổi cổ phiếu	-	4.034.849
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>87.088.181</b>	<b>71.462.186</b>

#### 10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.443 VND xuống còn 1.387 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.819.344.893.268	2.284.894.537.394
Chi phí nhân công	272.373.425.477	282.100.986.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.142.709.475	58.635.949.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.746.020.239	226.662.082.433
Chi phí khác	117.061.299.531	166.483.415.180
<b>Cộng</b>	<b>3.514.668.347.990</b>	<b>3.018.030.405.475</b>

## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tăng tài sản thông qua việc nhận nợ thuê tài chính	37.378.967.593	11.374.142.707
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	3.886.859.998
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	17.008.440.000	31.949.310.000

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

##### > **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

##### > **Cam kết bảo lãnh**

Ông Lê Vĩnh Sơn và ông Lê Hoàng Hà dùng lần lượt 2.525.000 và 2.175.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.20).

##### > **Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

##### > **Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	5.346.270.974	3.140.666.149
Thù lao	451.212.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.797.482.974</b>	<b>3.140.666.149</b>

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Các bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam	Thành viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của LGC
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

#### **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác.

#### **Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác

 Phần 6. Báo cáo tài chính

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.221.106.522.523	3.454.425.571.746	131.564.011.181	4.807.096.105.450
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.221.106.522.523</b>	<b>3.454.425.571.746</b>	<b>131.564.011.181</b>	<b>4.807.096.105.450</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	104.154.467.127	534.715.668.209	43.477.291.893	682.347.427.229
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(417.477.497.738)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				264.869.929.491
Doanh thu hoạt động tài chính				14.656.940.568
Chi phí tài chính				(144.335.404.061)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(1.895.490.669)
Thu nhập khác				13.692.138.955
Chi phí khác				(7.059.428.928)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(34.180.335.974)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>105.748.349.382</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>6.257.750.506</b>	<b>32.336.467.365</b>		<b>38.594.217.871</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>14.029.645.628</b>	<b>57.113.063.847</b>		<b>71.142.709.475</b>

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.408.157.165.903	3.019.287.327.771	58.478.497.532	4.485.922.991.206
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.408.157.165.903</b>	<b>3.019.287.327.771</b>	<b>58.478.497.532</b>	<b>4.485.922.991.206</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	128.500.582.786	454.912.497.449	(545.737.740)	582.867.342.495
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(349.603.326.787)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(349.603.326.787)
Doanh thu hoạt động tài chính				27.601.760.882
Chi phí tài chính				(128.564.555.130)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				7.953.216.907
Thu nhập khác				(7.815.573.487)
Chi phí khác				(4.117.023.379)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(20.188.154.507)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>108.133.686.994</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>10.206.533.331</b>	<b>209.270.958.103</b>		<b>219.477.491.434</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>15.048.274.476</b>	<b>43.587.675.123</b>		<b>58.635.949.599</b>



## Phần 6. Báo cáo tài chính

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	864.992.817.043	2.908.807.916.456	36.811.989.910	3.810.612.723.409
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				250.623.452.907
<b>Tổng tài sản</b>				<b>4.061.236.176.316</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	725.797.788.833	2.038.761.612.501	21.936.065.207	2.786.495.466.541
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.786.495.466.541</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	496.985.729.140	2.810.542.686.399	44.561.351.867	3.352.089.767.406
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				177.433.579.816
<b>Tổng tài sản</b>				<b>3.529.523.347.222</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	353.267.217.951	2.028.775.450.805	31.210.665.512	2.413.253.334.268
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.413.253.334.268</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn